

PHẬT HỌC

佛學

PHƯƠNG TIỆN TU HỌC PHẬT PHÁP - PHÁT HÀNH HÀNG THÁNG

SỐ 334, NĂM THỨ 27

THÁNG 5-2022



Kính mừng PHẬT ĐẢN 2646

Điện Tử Thư (E-Mail): huynhaitong@gmail.com

Mạng Nhện Toàn Cầu (World Wide Web): <http://www.nsphat-hoc.org>



NGUYỆT SAN PHẬT HỌC

Chủ Biên:

PHÚC TRUNG

Thủ Quỹ:

DIỆU LAN

Kiểm Soát:

PHƯỚC SƠN

Ban Biên Tập:

**BÌNH ANSON
CHÂN ĐẠI LƯỢNG
MINH HÒA
NHÂN CA
TÂM KHÔNG
TÂM TUỆ TỈNH
TUỆ VIÊN**

Cộng Tác:

**CHÍNH HẠNH
HÀN TRÚC
HỒNG DƯƠNG
MINH CHÁNH
MINH ĐỨC
TRẦN TRUNG ĐẠO**

Kỹ Thuật:

**MINH HÒA
NHÂN CA**

Mục Lục

<u>Kính mừng Phật Đản 2646</u>	BBT	3
<u>Thiền Định một PP. biến cải tâm linh</u>	Hoang Phong dịch	4
<u>Pháp Cú: 384 Phẩm Bà La Môn</u>	HT. Th. Minh Châu dịch	9
<u>Thơ: Nguyên cầu Phật về</u>	Thích Như Giải	9
<u>Câu chuyện thật của một Bs tâm thần</u>	Th. Tâm Quang dịch	10
<u>Hư Hư Lục: Chàng rể đa sư</u>	Thích Nữ Như Thủy	16
<u>Châu Ngọc Ngôn của Đức Thầy</u>	Huỳnh Hữu Phi	17
<u>Phân biệt Phật Giáo Nam Tông và Bắc Tông</u>	Trần Văn Bạo	26
<u>Danh sách các nước dân số và tôn giáo ở Bắc Mỹ</u>	Suu tầm	29
<u>26-5-2021 Tòa Bạch Ốc tổ chức lễ Phật Đản</u>	Thông báo	30

Tranh bìa

Hình Kính mừng Phật Đản

Đôi lời thưa trước cùng quý tác giả có

bài đăng trong

Nguyệt San Phật Học

Nhằm mục đích hoàng dương Phật Pháp, Nguyệt San Phật Học đăng lại một số bài từ các Tạp Chí, Sách, Báo Phật Giáo. Có những bài không thể liên lạc được với tác giả, xin quý vị hoan hỷ miễn thứ cho.

Ban Biên Tập

Nguyệt San Phật Học

Kính mừng Phật Đản 2646

Năm nay vào ngày trăng tròn tháng Tư nhằm ngày 15 tháng 5 năm 2022 là ngày kỷ niệm 2646 năm đức Bôn sư Thích Ca Mâu Ni giáng phàm.

Theo lịch sử Thái tử Tất Đạt Đa con vua Tịnh Phạn và hoàng hậu Ma Gia sinh ra tại vườn Lâm Tỳ Ni, vào ngày trăng tròn Tháng Tư năm 623 trước Tây lịch. Ngày nay Lâm Tỳ Ni thuộc nước Népal, nằm về phía Đông Bắc của Ấn Độ.

Thái tử Tất Đạt Đa lập gia đình với công chúa Gia Du Đà La và có con trai là La Hầu La. Sau khi nhận thức được đời là bể khổ, ngài mới quyết chí rời bỏ cung vàng, điện ngọc, vợ đẹp, con ngoan để đi tìm chân lý, giải thoát cuộc trầm luân, năm đó ngài đã 29 tuổi.

Vào một đêm ngài cỡi ngựa Kiền Trắc cùng với người hầu Xa Nặc rời bỏ Vương Xá Thành, đi đến sông Ni Liên cắt tóc giao cho Xa Nặc đem về trao lại Phụ vương nói lên tấm lòng ngài quyết chí đi tìm chân lý.

Ngài cùng tu khổ hạnh với các ông Kiều Trần Như, Kiều Trần Na, Kiều Trần Nhi, Kiều Trần Thi và Kiều Trần Nga. Sau 6 năm tu không đạt được ý nguyện, ngài bỏ tu khổ hạnh, đi tắm rửa ở sông Ni Liên, rồi dùng bát sữa của Tu Xà Đề dâng cúng, sau đó đến gốc cây bồ đề ngồi thiền định. Qua 49 ngày đêm, ngài chứng quả Niết Bàn.

Chứng quả xong, Ngài đi tìm các ông trong nhóm Kiều Trần Như để giúp họ chứng quả, Ngài đã gặp lại họ tại Vanarasi, nơi đây Ngài giảng pháp đầu tiên, được gọi là Chuyển pháp luân.

Sau 45 năm du hóa, Ngài đến Kusinara một ngôi làng yên tĩnh để xả bỏ báo thân. Ngài nhập diệt sau khi nhận bữa cúng dường sau cùng của ông Kỳ Đà. Năm đó Ngài thọ 80 tuổi.

Theo lời dạy của Đức Thích Ca Mâu Ni, chúng ta những người Phật tử phải tinh tấn tu hành để được giải thoát khỏi luân hồi, trầm luân trong bể khổ.

Ngày Phật Đản, Phật tử chúng ta đi chùa, lễ Phật chí thành, tưởng nhớ công ơn đức chí tôn đã chỉ dạy cho chúng sinh con đường giải thoát.

BBT/NS/PHẬT HỌC

Thiền định

một phương pháp biến cải tâm linh
Đức Đạt-lai Lạt-ma và Ugyen Sangharakshita
Hoang Phong chuyển ngữ

Chương III

Bốn đại nguyện của người bồ-tát

- Bài 16 - Lời nguyện của người bồ-tát
- Bài 17 - Mười đại nguyện của người bồ-tát
- Bài 18 - Đại thừa và Tiểu thừa
- Bài 19 - Bốn đại nguyện của người bồ-tát
- Bài 20 - Tôi cầu mong giải tỏa được mọi khó khăn cho tất cả chúng sinh
- Bài 21- Tôi cầu mong loại trừ được mọi thứ đam mê

Bài 21

Tôi cầu mong loại trừ được mọi thứ đam mê

Lời đại nguyện thứ hai là: "Tôi nguyện cầu loại bỏ được mọi thứ đam mê" (*passion/ dục vọng, thèm khát*). Vậy các đam mê ấy là những gì, và phải làm thế nào để tiêu trừ chúng? Đam mê là một thuật ngữ dùng để chỉ tất cả các thứ ô nhiễm tâm thân, chẳng hạn như tất cả các xúc cảm tiêu cực, các thể dạng tâm lý mang tính cách trói buộc (*psychological conditionings/ các thức đây, ý nghĩ hay xúc cảm vướng mắc dấy lên trong tâm thân*), chẳng hạn như các thiện kiến và các ý niệm có sẵn (*preconceptions/ preconceived ideas/ các ý nghĩ rập khuôn*) (*tiếng Pali gọi các thể dạng tâm thân ô nhiễm này là kilesa, tiếng Phạn là klesa, kinh sách Hán ngữ gọi là "phiền não" (?)*).

Các đam mê này được sắp xếp theo nhiều bảng liệt kê nêu lên trong kinh sách. Trước hết là danh sách gồm "ba thứ cội rễ độc hại" (*ba nguyên nhân chủ yếu nhất đưa đến sự tái sinh*), biểu trưng bởi trục của chiếc bánh xe của sự sống, đó là vô minh, thèm khát và hận thù. Danh sách thứ hai gồm năm chướng ngại ngăn chặn việc thiền định, là: sự thèm khát phát sinh từ các cơ quan giác cảm (*các sự thích thú tạo ra bởi các cơ quan cảm giác*), ác tâm, bồn chồn (*lo âu, bất an*), lười biếng (*buồn ngủ, đờ đẫn*), hoang mang (*do dự*) (*kinh sách Hán ngữ gọi năm thứ chướng ngại này là "ngũ triền cái"*). Danh sách thứ ba gồm năm độc tố là các sự xao lãng, thèm khát, giận dữ, kiêu hãnh và u mê. Chữ độc tố là một thuật ngữ nói lên thật chính xác và cụ thể năm thứ đam mê trên đây. Thật vậy khi một xúc cảm tiêu cực xâm chiếm tâm thức mình và nếu mình cứ để cho nó tung hoành thỏa thích, thì đây là cách mà mình tự đầu độc mình. Sự đầu độc ở đây có thể hiểu một cách từ chương, bởi vì đôi khi chúng ta cũng có thể cảm thấy đau nhói trong dạ dày hoặc nơi tim.

Phương pháp hữu hiệu nhất để loại trừ các thứ đam mê là làm bật rễ các nguyên nhân tạo ra các thứ ấy. Thật hết sức hiển nhiên, nếu nguyên nhân bật rễ từ trong tâm thức, thì phương pháp nhằm loại bỏ nguyên nhân ấy cũng phải xuất phát từ bên trong tâm thức, và đó cũng chính là phép thiền định.

[Sau đây là năm phép thiền định hóa

giải năm thứ độc tố:]

1- Liều thuốc hóa giải sự **xao lãng** (*độc tố thứ nhất*) - tức là tình trạng tâm thức nhảy hết chuyện này sang chuyện khác - là **phép chú tâm dựa vào hơi thở**.

2- Phương pháp chống lại sự **thèm khát** (*độc tố thứ hai*) là cách suy nghĩ và **thiền định về vô thường** (*những gì mình thèm khát đều phù du và vô nghĩa*), **cái chết**, **các khía cạnh ghê tởm của thân thể và thức ăn** (*trang sức, phấn son, nước hoa, thời trang, thê dục... là để che dấu sự xấu xí, dơ bẩn, hôi hám của thân thể. Gia vị thơm tho, nấu nướng cầu kỳ là để che dấu máu me, thịt da và sự đau đớn của một sinh vật*).

3- Sự **giận dữ** (*độc tố thứ ba*) là một thứ độc tố gần như khá xa lạ đối với người bò-tát, chẳng qua vì sự giận dữ là một thứ xúc cảm hoàn toàn đối nghịch lại với lòng từ bi. Do đó thật hiển nhiên liều thuốc hóa giải sự giận dữ sẽ là **metta bhavana** (*lòng từ tâm vô biên*). Trước những người có những lời xúc phạm hoặc cư xử xấu xa đối với mình, thì hãy nghĩ như thế này: "Biết đâu trong tâm họ chứa đầy những ý nghĩ u mê, các xúc cảm lo buồn, hận thù và đớn đau. Thân xác họ đang mang các mầm mống bệnh tật; hoàn cảnh gia đình và sự sinh sống của họ đang gặp nhiều khó khăn... Đây có thể là các nguyên nhân khiến họ đối xử tàn tệ với mình chẳng? Biết nghĩ như thế một cách thành thực, thì sự giận dữ của mình sẽ trở thành vô nghĩa và biến thành tình thương yêu vô biên, "metta bhavana").

4- **Kiêu căng và tự phụ** (*độc tố thứ tư*) là xu hướng cảm thấy mình trội hơn kẻ khác, xu hướng hay cảm tính đó sẽ tách rời mình ra khỏi kẻ khác, và đó cũng chính là cảm tính tiêu biểu nhất của cả "thế giới con người" (*câu này rất sâu sắc, có thể hiểu*

*dưới nhiều khía cạnh khác nhau. Có những quốc gia tự coi mình là trung tâm của thế giới, có những dân tộc tự nhận mình thông minh hơn các dân tộc khác, hoặc văn minh hơn, giàu có hơn, màu da thơm tho và sạch sẽ hơn, hoặc một người xinh đẹp cao lớn cũng có thể tỏ ra thương hại kẻ khác. Dưới một góc nhìn bao quát hơn thì con người từ trong thâm tâm tự xem mình là trung tâm của cả vũ trụ, là tác phẩm độc đáo của Thượng đế, có quyền giết các sinh vật khác để nuôi dưỡng mình, có quyền khai thác thiên nhiên như là một sự sáng tạo với mục đích phục vụ con người. Tóm lại kiêu căng và tự phụ là một trong số các nguyên nhân gây ra đủ mọi thứ khó khăn trong sự sinh hoạt xã hội, chẳng hạn như kỳ thị, ích kỷ, khinh miệt, hoặc rộng lớn hơn là các sự xung đột và chiến tranh). Theo Đức Phật, so sánh vị thế của mình với kẻ khác, dù là dưới hình thức nào (*trội hơn, kém hơn hay ngang hàng*) đều phản ảnh một sự kiêu hãnh (pride/kiêu căng, khoe khoang) (*tỏ ra kém hơn kẻ khác đôi khi cũng là một sự nhún nhường giả tạo, một hình thức che giấu cảm tính khinh miệt kẻ khác, điều đó khác hẳn với sự khiêm tốn là cách thú nhận khả năng hiểu biết còn giới hạn của mình. Thế nhưng cũng có những người chủ tâm tự hạ thấp mình một cách cách quá đáng, từ lời nói đến cử chỉ, điều đó cũng không nhất thiết là một sự khiêm tốn mà có thể là một sự yếu đuối. Sự khiêm tốn, kín đáo, quên đi chính mình là một phẩm tính đáng quý, nhưng không nên để phẩm tính đó trở thành một cung cách hành xử đê bệch chính mình. Bước vào con đường Phật giáo cần có một sự tự tin và ngay thẳng, đối với chính mình và cả kẻ khác.*). Chủ trương bình đẳng (egaritarianism/ một học thuyết chủ trương sự ngang hàng tuyệt đối giữa tất cả mọi người trong các lãnh vực chính trị và xã hội) và sự nhún nhường giả tạo là các hình thức*

kiêu hãnh. Liều thuốc hóa giải tính kiêu căng và tự phụ nêu lên trong kinh sách là phép thiền định về sáu thành phần: đất, nước, lửa, không gian và tri thức, biểu trưng bởi hình dạng của một **bảo tháp** (stupa). Chúng ta có thể thiền định về sự kiện sáu thành phần không phải là "của mình" mà là của vũ trụ, sau khi chết phải hoàn trả lại cho vũ trụ (*chúng ta thường nghĩ rằng thân xác mình gồm đất, nước, lửa, khí tức là "tư đại" mà mình sẽ phải hoàn trả cho thiên nhiên sau khi chết, thế nhưng thật ra ngoài bốn thành phần đất, nước, lửa, khí, chúng ta còn phải trả cả cái khoảng không gian mà thân xác mình chiếm giữ trước đây, kể cả những gì dấy lên bên trong tâm thức mình, từ xúc cảm đến tư duy, từ yêu thương đến giận dữ, từ bám víu đến ghét bỏ..., nói chung là tất cả các sự sinh hoạt tâm thân, và đây cũng chính là tri thức mình. Độc giả có thể xem thêm về chủ đề này trong bài giảng thứ 9 trong loạt bài "Thiền định là gì" của nhà sư Sangharakshita trên trang mạng Thư Viện Hoa Sen : <https://thuvienhoasen.org/p21a33058/5/bai-9-cach-bieu-trung-ve-nam-than-phan-trong-cac-stupa>).*

Chúng ta đều hiểu rằng [sự sinh hoạt của] tri thức liên quan đến các cơ quan giác cảm (*các cảm nhận của các cơ quan cảm giác sẽ làm phát sinh ra các sự nhận thức, xúc cảm, tư duy, tác ý... bên trong tâm thức*). Thế nhưng khi chúng ta không còn giữ được thân xác vật chất nữa (*tức là lúc cái chết xảy ra*) thì tri thức sẽ ra sao? Chúng ta sẽ dần dần tách rời khỏi các cấp bậc tri thức liên hệ với thân xác vật chất và hướng vào các cấp bậc tri thức càng lúc càng cao hơn. Khi thân xác vật chất và không gian mà nó chiếm hữu trước đây không còn nữa, thì lúc đó tri thức cũng sẽ không còn cách nào để có thể kết hợp với các thứ ấy như trước đây nữa. Vậy nếu không còn một khoảng không gian quy

định rõ rệt nào để tri thức kết hợp với nó, thì khi đó nó sẽ có thể kết hợp với không gian phi giới hạn, một bầu không gian vô tận. Một khi không còn một ranh giới nào ngăn chặn và cũng không còn một thân xác vật chất nào để nó tự nhận diện, thì tri thức sẽ không còn cách nào khác hơn là hướng ra bên ngoài chính nó và tỏa rộng đến vô tận.

Cách thiền định trên đây sẽ giúp chúng ta đạt được điểm tột đỉnh của phép luyện tập này, tức là thực hiện được cấp bậc sâu xa nhất của cái chết tâm linh (*tức là sự chấm dứt tuyệt đối và vĩnh viễn của cái tôi hay cái ngã*). Điều đó có nghĩa là tri thức cá thể chết bên trong tri thức toàn cầu, nói một cách khác là tri thức cá thể đã thực hiện được thể tính (identity) vô tận của nó, để cùng hòa nhập vào thể tính vô tận của tri thức toàn cầu (*có thể hiểu là dòng tri thức nguyên sinh mang bản chất không gian và thời gian vô tận của một cá thể đã hòa nhập vào bầu không gian và thời gian không khởi thủy cũng không chấm dứt của toàn thể vũ trụ*).

Thời điểm giúp cảm nhận được tri thức toàn cầu chính là lúc xảy ra cái chết. Trên nguyên tắc, dù đang sống hay sau khi đã chết cũng vậy, chúng ta không thể nào hình dung được sự cảm nhận đó sẽ là như thế nào (*sự hòa nhập của tri thức nguyên sinh vào tri thức toàn cầu - cũng có thể hiểu là sự hòa nhập vào "nirvana"/niết bàn" của tri thức nguyên sinh - sẽ xảy ra như thế nào thì không thể biết trước được, dù mình còn đang sống hay sau khi chết*). Người ta nghĩ rằng đây là lúc mà tất cả các biên giới ngăn chặn tri thức đều tan biến hết, hoặc cũng có thể liên tưởng đến hình ảnh một giọt nước rót vào đại dương (*sự hòa nhập của tri thức nguyên sinh của một cá thể vào tri thức vô tận của vũ trụ cũng tương tự như một giọt*

nước rơi vào đại dương tan biến trong nước của đại dương. Dầu sao cũng không nên hiểu một cách quá từ chương hình ảnh ẩn dụ đó, đây chỉ là một cách gợi ý cho sự tương tượng của mình mà thôi). Điều chủ yếu là chỉ cần tạo ra cho mình sự cảm nhận về thể dạng tỏa rộng vô tận đó của tri thức mình. Dầu sao cũng hết sức khó mô tả sự kiện đó, bởi vì sự cảm nhận vẹn toàn về tri thức vô tận chính nó cũng là sự Giác ngộ (*chúng ta không thể nào hình dung, hay biết trước được sự Giác ngộ sẽ là thế nào, mà chỉ có thể cảm nhận được nó một cách trực tiếp đúng vào lúc nó xảy đến với mình trong khi thiên định, hoặc trong lúc xảy ra cái chết tâm linh*). Hơn nữa tri thức vô tận hoàn toàn trống không, không phải là một thực thể nào cả và cũng không phải là một cái gì cả. Vũ trụ vật lý không nằm ra bên ngoài tri thức vô tận, thế nhưng nó không hề áp đặt một biên giới nào hay tạo ra một chương ngại nào cho tri thức giác ngộ.

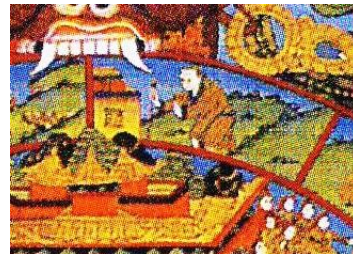
Phép luyện tập về sáu thành phần trên đây là cách loại trừ các thức đầy mang xu hướng quay lại với cái tôi/cái ngã của mình, và đồng thời cũng là cách làm tan biến ý niệm về cá tính (individuality) của mình, với ý nghĩa thu hẹp của nó (*có nghĩa là "cái tôi" của mình*), và cũng là phương pháp hóa giải độc tố **kiêu hãnh** (*tức độc tố thứ tư*).

5- Độc tố thứ năm là **vô minh** tâm thần (*tình trạng u mê và làm lẫn tâm thần khiến mình không trông thấy bản chất đích thật của mọi hiện tượng*), nói một cách khác là thái độ chối bỏ không chấp nhận hiện thực [đúng với bản chất đích thật của nó] (*mà chỉ trông thấy hiện thực xuyên qua các sự mong muốn và các xung năng sâu kín của mình*). Qua một góc nhìn khác thì đây là độc tố căn bản nhất, chất liệu sơ khởi nhất, làm phát sinh ra các độc tố khác. Liều thuốc căn bản

nhằm hóa giải độc tố đó là phép thiên định về các khoen móc nối mang tính cách trói buộc (*links of conditioned co-production, tức là dây chuyền nguyên nhân - hậu quả đưa đến sự tái sinh*). Phép thiên định này sẽ giúp chúng ta nhận thấy tình trạng vô minh của mình chính là nguyên nhân tạo ra chuỗi dài các sự kiện liên kết và níu kéo nhau. (*12 trong số các sự kiện này sẽ liên kết với nhau tạo ra một sự xoay vần bất tận của sự sống, kinh sách Hán ngữ gọi 12 sự níu kéo này là "Thập nhị nhân duyên". Sự níu kéo và xoay vần bất tận đó được biểu trưng bởi hình ảnh một chiếc bánh xe gọi là "Bánh xe của sự sống" - xin xem hình 1, 2 và 3 dưới đây*).



H1



H2



H3

H.1 : "Bánh xe của sự sống" còn gọi là "Bánh xe luân hồi" biểu trưng cho sự lôi léo của 12 nguyên nhân và hậu quả (thập nhị nhân duyên) tạo ra sự xoay vần bất tận sự sống của mỗi cá thể. Vị thần linh hung tợn ôm chiếc bánh xe biểu trưng cho tình trạng khổ đau của sự hiện hữu. Góc trên bên phải là Đức Phật đang trở ngón tay vào mặt trăng ở góc bên trái, nói lên là có một phương pháp giúp thoát ra khỏi sự xoay tròn của chiếc bánh xe và sự kiềm tỏa của vị hung thần.

H.2 : Hình chi tiết của khung cao nhất thuộc vòng tròn ngoài cùng, cho thấy một cụ già mù lòa chống gậy, biểu trưng cho vô minh, và cũng là nguyên nhân đầu tiên của chuỗi dài nứ kéo đưa đến sự tái sinh.

H.3 : Hình chi tiết của vòng tròn nhỏ nhất, biểu trưng cho trục bánh xe, nêu lên hình ảnh ba con vật cắn đuôi nhau và cùng nhau quay tròn: con heo tượng trưng cho vô minh, con rắn biểu trưng cho hận thù, con gà biểu trưng cho sự thèm khát (các con gà thường cắn nhau và tranh nhau ăn), *(Các hình này là do người chuyên ngữ ghép thêm)*.

Tóm lại, chủ đích nêu lên năm thứ độc tố cùng với các liều thuốc hóa giải trên đây là để giúp chúng ta trông thấy các thể dạng tâm thân tiêu cực cần phải loại bỏ và cả các phương pháp để loại bỏ chúng *(tức các phép thiền định nhằm hóa giải các thứ độc tố)*. Thế nhưng là những người mới bắt đầu bước vào con đường bồ-tát, chúng ta còn phải cần đến tất cả các phương tiện mà mình có, hầu giúp mình tiếp cận gần hơn với các phương pháp dứt khoát hơn trong việc loại bỏ các sự đam mê *(bám víu, dục vọng, thèm khát)* của mình. Các phương tiện này thật phong phú, và cũng đã được Phật giáo dự trù sẵn cho trường hợp của chúng ta *(ẩn tu, tụng niệm, tham dự các khóa tu học, thực thi các nghi*

lễ, tập chủ động các tác ý, ngôn từ và hành động của mình, v.v.).

Tôi cầu mong chủ động được các dharma

Đây là đại nguyện thứ ba trong số bốn đại nguyện: *"Tôi cầu mong chủ động được tất cả các dharma"* *(câu này có nghĩa là khắc phục, am tường hay thấu triệt thật sâu xa tất cả/ các giáo lý Phật giáo)*. Chữ dharma trong lời nguyện trên đây nhất thiết có nghĩa là **tất cả** "các giáo huấn của Đức Phật" nêu lên trong **tất cả** các kinh sách, và các đường hướng giảng dạy của **tất cả** các học phái Phật giáo *(câu này có nghĩa là người bồ-tát phải thấu triệt được tất cả các tông phái và học phái Phật giáo từ Tiểu thừa đến Đại thừa)*. Người bồ-tát không những phải thấu triệt căn bản giáo lý của tất cả các tông phái, trường phái, học phái, giáo phái khác nhau, mà còn phải nắm vững cả giáo lý của các tín ngưỡng khác và các nền triết học khác ngoài Phật giáo. Đây là chưa nói đến các lãnh vực nghệ thuật và các ngành khoa học chủ yếu, nhất là các khoa ngữ học (rhetoric) và thi phú (prosody) thật cần thiết trong việc thuyết giảng và truyền đạt tư tưởng.

Chủ động được tất cả các dharma có nghĩa là đạt được các kinh nghiệm hiểu biết thật bao quát nhưng cũng thật sâu xa [về Đạo Pháp]. Trên nguyên tắc trong việc giúp đỡ kẻ khác, nhất là trong lãnh vực giảng dạy **Dharma**, nếu chúng ta càng có nhiều phương tiện và khả năng truyền đạt, thì việc giúp đỡ của mình cũng sẽ mang lại nhiều hiệu quả hơn. *(Sangharakshita được nhiều người xem là một trong số các nhà sư uyên bác nhất trong thế kỷ XX, và ông cũng là một thi sĩ)*.

Tôi cầu mong hướng dẫn tất cả chúng sinh phát huy được Phật tính

Lời đại nguyện thứ tư: "Tôi cầu mong hướng dẫn tất cả chúng sinh phát huy được Phật tính", phản ánh thật rõ rệt mục đích tối hậu trong việc tu tập của người Bồ-tát. Qua tấm gương của bản thân mình và qua các cách truyền đạt trong yên lặng (trong sự kín đáo) của mình, người Bồ-tát sẽ dần dần trở thành một người giảng dạy (một vị thầy).

Tóm lại, bốn đại nguyện trên đây là cốt lõi của Đại thừa, kể cả của toàn bộ Phật giáo, bao gồm từ các nguyên tắc tu tập trong cuộc sống cho đến mục đích và các công trình thực hiện, phản ánh toàn bộ đời sống tâm linh của người Bồ-tát.

Bures-Sur-Yvette, 22.10.20
Hoang Phong chuyển ngữ

(hết chương III)

Pháp Cú

HT. Thích Minh Châu dịch

Phẩm Bà La Môn

384

Nhờ thường trú hai pháp [1]
Đến được bờ bên kia.
Bà-la-môn có trí,
Mọi kiết sử đứt sạch.

Chú thích:

[1] Thiên Chỉ và Thiên Quán



Nguyện cầu Phật về

Thích Như Giải

Chấp tay vái tạ sơn khê
Khắp trong thành – thị làng quê láng giềng
Phật về sông lại hương thiên
Thêm hoa chánh giác, thêm miền chân nguyên
Phật về xóa sạch oan khiên
Khổ đau vắng bóng, muôn phiền tiêu tan
Phật đem cho ánh đạo vàng
Mang tình thân ái, cho ngàn tâm linh
Cho đời thánh thủy tịnh bình
Rót trong dương thế vô sinh hiển bày
Phật về tái tạo bản lai
Khai nguồn tỉnh thức thoảng ngày sang đêm
Nơi Phật đi thật dịu êm
Không bằng bạo lực, tị hiềm, đua tranh
Mở ra Thánh đạo tám ngành
Sen hồng đỡ gót bên cành vô ưu
Phật về xóa cạn hận thù
Xóa luôn đẳng cấp ngục tù cổ xưa
Chín rồng phun nước thay mưa
Tam thiên thế giới, nhỏ – vừa thấm sâu
Ngày Phật Đản con nguyện cầu
Phật về lần nữa năm châu thái hòa!

Câu Chuyện Thật Của Một Bác Sĩ Chuyên Khoa Tâm Thần, Một Bệnh Nhân Trẻ Của Ông, và Cách Chữa Trị Tiền Kiếp Đã Thay Đổi hẳn Đời Sống của Cả Hai.

Bác Sĩ Brian L.Weiss Phó Gs, Khoa Tâm Thần tại Trường Y Khoa Đại Học Miami, Florida
Thích Tâm Quang dịch

Khởi đăng từ Ns PHẬT HỌC số 327

CHƯƠNG TÁM

Ba tuần lễ trôi qua trước buổi thôi miên kế tiếp. Vào kỳ nghỉ hè của tôi, nằm dài ở một bãi biển miền nhiệt đới, tôi có thì giờ và khoảng cách để ngẫm nghĩ những gì đã diễn ra với Catherine: đi ngược lại tiền kiếp bằng thôi miên lùi với những quan sát chi tiết và giải thích các vật thể, các tiến trình, và những dữ kiện - mà cô không có kiến thức trong trạng thái bình thường lúc tỉnh; giảm bớt những triệu chứng của cô qua những buổi thôi miên lùi về dĩ vãng; không thuyên giảm chút nào đợt trị bệnh thông thường trong mười tám tháng bằng tâm lý trị liệu; những tiết lộ chính xác khủng khiếp từ trạng thái tinh thần sau cái chết, chuyện tái kiến thức mà cô không được phép biết đến; chất thâm mỹ tinh thần, và những bài học về những phương chiều không gian sau khi chết, về sự sống và cái chết, sinh và tái sinh, từ các Thần Linh Bậc Thầy nói bằng trí tuệ và một kiểu cách rất hay vượt xa khả năng của Catherine. Quả thật có rất nhiều cái để suy ngẫm.

Qua nhiều năm tôi đã trị bệnh cho hàng trăm có lẽ hàng ngàn những bệnh nhân tâm thần, và họ đã phản ảnh toàn bộ phạm vi rối loạn xúc cảm. Tôi đã quản lý các phòng bệnh nhân nội trú ở bốn trường y khoa lớn. Tôi đã làm nhiều năm trong các phòng cấp cứu tâm thần, những bệnh xá bệnh nhân ngoại trú, và nhiều cơ sở khác đánh giá và điều trị bệnh nhân ngoại trú. Tôi hoàn toàn biết về những ảo giác của thính và thị giác và những ảo

giác của bệnh loạn tinh thần. Tôi đã điều trị nhiều bệnh nhân có những triệu chứng gần như điên và những rối loạn có tính công loạn, kể cả những người mắc chứng tâm thần phân lập hay đa lập. Tôi đã là một giáo viên chuyên nghiệp trong việc bài trừ Ma túy và Rượu chè, được tài trợ bởi Viện Quốc Gia Bài Trừ Ma Túy, và tôi rất quen thuộc với toàn bộ tác động của ma túy lên bộ não. Catherine không có một trong những triệu chứng hay hội chứng ấy. Điều đã xảy ra không phải là biểu lộ của bệnh tâm thần. Cô không bị loạn tinh thần hay không va chạm với thực tế, và cô cũng chưa bao giờ bị ảo giác (Nhìn hay nghe những thứ thực ra không ở đó hay ảo tưởng (niềm tin sai).

Cô không dùng ma túy và cũng không có những nét hành xử bất thường. Cô không có cá tính cuồng loạn, và cô không có khuynh hướng chia rẽ. Tức là, cô thường nhận thức được cái cô đang làm và suy nghĩ và không hành động theo một "hướng tự động" chưa bao giờ có cá tính bị tâm thần phân lập hay đa lập. Những việc cô đưa ra thường vượt quá khả năng ý thức của cô cả về kiểu cách lẫn nội dung. Một số trong đó đặc biệt tâm linh, như việc nhắc đến những biến cố rõ ràng và những dữ kiện về quá khứ của tôi (tức là biết về cha tôi và con tôi), cũng như về chính cô. Cô có kiến thức mà cô chưa bao giờ được biết, hay tích lũy, trong hiện kiếp. Kiến thức này, cũng như toàn bộ kinh nghiệm, xa lạ với văn hóa và giáo dục của cô và trái ngược với nhiều niềm tin của cô.

Catherine là một người khá đơn giản và thật thà. Cô không phải là một học giả, và cô

không thể tạo ra các dữ kiện, chi tiết, những biến cố lịch sử, mô tả và chất thơ phát ra qua cô. Là một bác sĩ tâm thần, một nhà khoa học gia, tôi chắc chắn là sự việc này có gốc từ một phần của cái tâm vô thức của cô. Điều đó là thật, vượt qua bất cứ nghi kỵ nào. Dù cho Catherine là một diễn viên giỏi, cô không thể nào tái tạo được những cái xảy ra ấy. Sự am hiểu quá chính xác, và quá rõ ràng, vượt qua khả năng của cô.

Tôi cần nhắc mục đích trị liệu trong việc khảo sát quá khứ của Catherine. Một khi chúng tôi đã bước chân vào lĩnh vực mới này, bệnh tình của cô thuyên giảm hết sức nhanh chóng, mà không dùng thứ thuốc nào. Có một sức mạnh trị bệnh nào đó trong lĩnh vực này, một sức mạnh dường như hiệu quả nhiều hơn cách chữa trị thông thường hay y khoa hiện đại. Sức mạnh này gồm cả việc nhớ lại và sống lại không chỉ trong những biến cố chấn thương gần gũi mà còn là các chấn thương hàng ngày tác động đến thân thể, tâm trí và cái ngã của chúng ta. Trong những câu hỏi của tôi, khi chúng tôi khảo sát các kiếp sống, tôi đang tìm kiếm nét điển hình cho những chấn thương này, kiểu như xúc cảm kinh niên hay bị lạm dụng thể chất, nghèo khổ và chết đói, bệnh và tàn tật, bị ngược đãi liên miên và thành kiến, những thất bại liên tiếp và vân vân... Tôi cũng chú ý đến những thảm kịch bị thương, như lâm vào tình trạng thập tử nhất sinh, hiệp dâm, thảm họa hàng loạt, hoặc bất cứ biến cố hãi hùng nào để lại vết hằn lâu dài. Kỹ thuật này cũng tương tự như xem lại thời thơ ấu trong cách trị liệu thông thường, ngoại trừ khung thời gian là vài ngàn năm, đúng hơn là mười, mười lăm năm theo thường lệ. Cho nên câu hỏi của tôi trực tiếp hơn, và dẫn dắt nhiều hơn cách trị liệu thông thường. Nhưng sự thành công trong khảo sát không chính thống của chúng tôi thì không

thể nghi ngờ được. Cô ấy (và những người khác sau này, được trị liệu bằng thôi miên lùi về dĩ vãng) đang được chữa lành nhanh chóng lạ thường.

Nhưng có thể có cách giải thích nào khác cho những ký ức tiền kiếp của Catherine không? Có thể nào những ký ức này được mang theo trong gen của cô? Khả năng này là mơ hồ về mặt khoa học. Ký ức di truyền đòi hỏi truyền liên tục vật chất di truyền từ thế hệ này đến thế hệ kia. Catherine đã sống trên khắp trái đất, và tuyến di truyền của cô bị ngắt quãng nhiều lần. Cô bị chết trong cơn lụt với con cái, hay không có con, hay chết lúc còn trẻ. Vốn liếng di truyền của cô đã chấm dứt và không được truyền lại. Và sự sống sót sau khi chết và tình trạng nửa nợ nửa kia là gì? Không có xác thân và chắc chắn là không có vật chất di truyền, thế mà những ký ức của cô đã tiếp tục. Không, sự giải thích về di truyền phải được loại bỏ.

Ý kiến của Jung về vô thức tập thể, nơi qui tụ tất cả ký ức và kinh nghiệm của con người có thể bằng cách nào đó được kết nối vào là thế nào? Những nền văn hóa khác nhau thường có những ký hiệu tương tự, ngay cả trong giấc mơ. Theo Jung, cái vô thức tập thể không phải là do cá nhân đạt được mà được "thừa kế" một cách nào trong cấu trúc não bộ. Nó gồm có động cơ và hình ảnh nảy sinh lại từ đầu trong mọi văn hóa, không dựa vào truyền thống lịch sử hay sự phổ biến. Tôi nghĩ rằng những ký ức của Catherine quá rõ ràng để có thể giải thích bằng quan niệm của Jung. Cô không tiết lộ những biểu tượng, hình ảnh hay động cơ chung. Cô tả lại chi tiết về người và nơi chốn riêng biệt. Ý kiến của Jung dường như quá mơ hồ. Và lại còn có tình trạng nửa nợ nửa kia phải được xét đến. Nói chung, *luân hồi có ý nghĩa nhất*.

Hiểu biết của Catherine không chỉ chi tiết và rõ ràng, mà còn vượt quá khả năng có ý thức của cô. Cô biết những sự việc không thể là do lượm lặt từ sách vở và rồi tạm thời bị quên đi. Hiểu biết của cô có lẽ không thể có được trong thời thơ ấu và rồi cũng bị giữ kín hay bị kiềm chế tách khỏi thức. Và về các Bậc Thầy và những thông điệp của các Ngài thì sao? Việc này đến qua Catherine chứ không phải về các ký ức của Catherine. Và sự thông thái của các Ngài cũng được phản ánh trong ký ức của Catherine trong những tiền kiếp. Tôi biết rằng tin tức này và những thông điệp này là không thật. Tôi biết không chỉ sau nhiều năm nghiên cứu cẩn trọng về con người, tâm trí, bộ óc và cá tính của họ, mà tôi còn biết điều này bằng trực giác, thậm chí trước cả cuộc thăm viếng của cha và con tôi. Bộ óc tôi với nhiều năm rèn luyện cẩn thận về khoa học biết điều này, và xương tủy tôi cũng biết.

"Tôi nhìn thấy những cái hũ có một loại dầu nào trong đó" Mặc dù ba tuần gián đoạn, Catherine đã nhanh chóng rơi vào hôn mê sâu. Cô nhập vào một xác thân khác ở một thời gian khác. "Có nhiều loại dầu khác nhau trong các hũ. Dường như ở trong một loại nhà kho hay chỗ để chứa các thứ. Những các hũ màu đỏ... đỏ, làm bằng loại đất đỏ nào đó. Có những dải xanh chung quanh, dải xanh ở chung quanh cổ hũ. Tôi nhìn thấy có những người ở đây... có những người ở trong hang. Họ di chuyển những cái vại và hũ chung quanh, chất lên nhau và đặt chúng ở một chỗ nào đó. Đầu họ trọc ... Họ không có tóc trên đầu. Da họ nâu... da nâu."

"Cô có ở đây không?"

"Vâng... Tôi đang niêm phong những cái vại ... bằng một loại sáp... niêm kín nắp vại bằng sáp."

"Cô có biết dầu để làm gì không?"

"Tôi không biết"

"Cô có nhìn thấy chính cô không? Hãy nhìn vào chính cô. Cho tôi biết trông cô như thế nào." Cô ngưng lại và quan sát chính mình.

"Tôi có một cái bím tóc. Có một cái bím trên tóc tôi. Tôi có một loại dài ... một loại áo dài. Nó có viền vàng chung quanh bên ngoài."

"Cô có làm việc cho những thầy tu này - hay những người trọc đầu này không?"

" Công việc của tôi là niêm kín những cái vại bằng sáp. Đó là công việc của tôi."

"Nhưng cô không biết những cái vại này dùng làm gì à?"

"Hình như những thứ này để dùng trong nghi lễ tôn giáo. Nhưng tôi không chắc chắn... cái đó là gì. Có việc xúc dầu nào đó, trên đầu... thứ gì đó trên đầu ông, trên tay ông. Tôi nhìn thấy một con chim, một con chim vàng, nó quanh quẩn ở cổ tôi. Nó dẹt. Nó có cái đuôi dẹt, một cái đuôi rất dẹt, và đầu nó chĩa xuống ... chân tôi."

"Chân cô?"

"Vâng, đó là cách phải mặc. Có một chất... một chất bầy nhầy đen. Tôi không biết nó là gì"

"Chất đó ở đâu?"

"Nó được đựng trong một cái bình cảm thạch. Họ dùng cái đó, tôi không biết cái đó để làm gì."

"Có cái gì ở trong hang dê cô đọc, do đó cô có thể nói cho tôi biết tên của xứ này - chỗ này - nơi mà cô ở, hay ngày tháng?"

"Không có gì ở trên tường, tường trống trơn. Tôi không biết tên". Tôi bảo cô tiếp tục đi xa hơn.

"Tôi thấy cái vại trắng, một loại vại trắng. Cái tay cầm ở phần trên bằng vàng, một loại vàng dát trên nó."

"Cái gì trong vại đó?"

"Một loại dầu xúc. Một cái gì đó gì đó để qua bên kia thế giới."

"Cô có phải là người đang đi sang bây giờ phải không?"

"Không. Không ai cả theo tôi biết."

"Phải chăng đây là công việc của cô?" "Sửa soạn cho người ta để đi qua".

"Không. Thầy tu làm việc đó, chứ không phải là tôi. Chúng tôi chỉ là người tiếp dầu xúc, hương cho họ... "

"Bây giờ cô khoảng bao nhiêu tuổi?"

"Mười sáu tuổi."

"Cô đang sống với cha mẹ phải không?"

"Phải, ở một cái nhà bằng đá, một loại nhà ở bằng đá. Nó không thật lớn. Ngôi nhà nóng và khô. Khí hậu rất nóng."

"Hãy đi vào trong nhà"

"Tôi ở đây"

"Cô có nhìn thấy người khác trong gia đình cô ở quanh đó không?"

"Tôi thấy một người anh, và mẹ tôi cũng ở đây, và một em bé, một đứa bé của người nào đó."

"Có phải đứa bé của cô không?"

"Không"

"Cái gì có ý nghĩa bây giờ? Hãy đi tới cái gì có ý nghĩa giải thích những triệu chứng của cô trong hiện kiếp. Chúng ta cần phải hiểu. Thận trọng để đi qua điều đó. Hãy đi tới những biến cố."

Cô trả lời bằng giọng thì thào rất dịu dàng.

"Mọi thứ đều đúng lúc... . Tôi thấy người ta đang chết."

"Người ta đang chết"

"Phải... họ không biết đó là gì."

"Một chứng bệnh". Đột nhiên lóe lên trong tôi là cô lại va chạm vào một kiếp sống thời cổ, một kiếp sống mà trước đây cô đã lùi về. Trong kiếp sống đó, một bệnh truyền nhiễm do nước đã giết chết cha Catherine và một người anh của cô. Catherine cũng bị ngã bệnh nhưng không chết vì bệnh đó. Dân chúng dùng tỏi và dược thảo để tránh bệnh truyền nhiễm này. Catherine đang buồn rầu vì người chết không được ướp đúng cách.

Nhưng bây giờ chúng tôi lại tiếp cận với kiếp sống này từ ở một góc độ khác. Tôi hỏi "Có cái gì cần đến nước phải không?"

"Họ cũng tin như vậy, Nhiều người đang chết." Tôi đã biết chung cuộc.

"Nhưng cô không chết , không chết vì việc đó"

"Không, tôi không chết."

"Nhưng cô bị bệnh, Cô trở nên đau yếu."

"Phải, tôi bị lạnh,... rất lạnh. Tôi cần nước... nước. Họ nghĩ rằng bệnh đến do nước ... thứ gì đó đen ... người nào đó bị chết."

"Ai chết?"

"Cha tôi chết, và một người anh tôi chết. Mẹ tôi không sao, bà bình phục lại. Bà rất yếu. Họ phải chôn những người này. Họ phải chôn những người đó, và người ta buồn vì việc này ngược với tập tục tôn giáo. "

"Tập tục đó là gì?" Tôi ngạc nhiên trước sự nhất quán trong việc nhớ lại, từng sự việc một, đúng như cô đã kể kiếp sống này vài tháng trước đây. Thêm nữa, sự thay đổi tập tục chôn cất khiến cô buồn nhiều.

"Người được bỏ trong hang. Các thi hài được giữ trong các hang. Nhưng trước tiên, xác được các thầy tu rửa soạn. Xác phải được quấn lại và sức dầu. Xác chết được giữ trong hang, nhưng đất đang bị lụt ... Họ nói nước bẩn, Đùng uống nước."

"Có cách nào để chữa bệnh không? Có thứ gì có thể chữa được không?"

"Chúng tôi được uống dược thảo, dược thảo khác nhau. Mùi ... dược thảo và ...ngửi thấy mùi đó. Tôi có thể ngửi thấy mùi đó!"

Cô có nhận ra mùi đó không?"

"Nó trắng. Họ treo nó trên trần nhà."

"Nó giống tôi không?"

"Nó được treo chung quanh ... Nó có đặc tính tương tự, phải. Đặc tính của nó ... ông để nó vào miệng, vào tai, vào mũi, khắp mọi nơi. Mùi nó rất mạnh. Người ta tin là nó ngăn chặn ma quỷ xâm nhập vào cơ thể. Màu tím... trái cây hay thứ gì đó tròn có vỏ màu tím, vỏ màu tím trên nó ..."

"Cô có nhận ra nền văn hóa mà cô sống không? Văn hóa ấy có quen thuộc không?"

"Tôi không biết"

"Màu tím đó là trái cây loại gì đó?"

"Tannis"

"Thứ này có giúp ích cô không? Có phải để chữa bệnh không?"

"Để chữa bệnh vào thời đó."

"Tannis", tôi nhắc lại , một lần tôi xem có phải cô đang nói về cái mà chúng ta nói đến là chất ta nanh hay axit tanic. "Có phải đó là cái mà họ gọi là Tannis?"

"Tôi chỉ... Tôi chỉ nghe thấy "Tannis"

"Cái gì trong kiếp sống đó ẩn mình trong hiện kiếp này? Tại sao cô cứ muốn trở về nơi đây? Cái gì khó chịu quá thế?"

"Tôn giáo", Catherine thì thảo nhanh chóng, "tôn giáo vào thời đó. Đó là tôn giáo của sợ hãi... sợ hãi. Có quá nhiều thứ để sợ... và quá nhiều thần."

"Cô có thể nhớ tên của vị thần nào không?"

"Tôi nhìn thấy mắt. Tôi nhìn thấy một loại

gì đó đen... một loại ... nó giống như chó rừng. Nó ở trong bức tượng. Nó là kiểu người canh gác nào đó ... Tôi nhìn thấy một người đàn bà, một nữ thần với một loại mũ sắt trên đầu."

"Cô có biết tên vị nữ thần?"

"Osiris ... Sirius ... đại loại như vậy. Tôi nhìn thấy một con mắt ... con mắt, chỉ một con mắt, một con mắt trên một xâu chuỗi. Chuỗi này bằng vàng."

"Một con mắt?"

" Phải ... Ai là Hathor?"

"Cái gì?"

"Hathor ! Ai đó !

Tôi chưa bao giờ nghe thấy Hathor, mặc dù tôi biết đó là Osiris, nếu phát âm này là đúng, là anh chồng của Isis, một vị thần lớn Ai Cập. Sau này tôi biết Hathor là nữ thần Ai Cập của tình yêu, hạnh phúc và niềm vui. Tôi hỏi, "Có phải đó là một trong các vị thần không?"

"Hathor! Hathor!. Ngưng lại hồi lâu. "Con chim ... Nó thì dẹt... dẹt, con phượng hoàng..." Cô ta lại im lặng.

"Bây giờ hãy tiến tới ngày cuối cùng trong kiếp này. Hãy đi tới ngày cuối cùng, nhưng trước khi chết. Hãy nói cho tôi biết cô nhìn thấy gì."

Cô trả lời bằng một giọng thì thào dịu dàng .

"Tôi nhìn thấy người và các tòa nhà. Tôi nhìn thấy dép, dép. Có vải thô, loại vải thô."

"Cái gì xảy ra? Bây giờ hãy tiến tới lúc sắp chết. Cái gì đã xảy ra cho cô? Cô có thể thấy mà ."

"Tôi không thấy ... Tôi không nhìn thấy tôi nữa."

"Bây giờ cô ở đâu? Cô nhìn thấy gì?"

"Không thấy gì. . chỉ tối om ... Tôi nhìn thấy ánh sáng, một ánh sáng âm áp". Cô đã chết rồi, đã chết và đi vào trạng thái tinh thần. Hiên nhiên, cô không cần phải trải nghiệm cái chết thực sự của cô nữa.

Tôi hỏi, "Cô có thể đến với ánh sáng chứ?"

"Tôi đang tới đây" Cô đang nghỉ ngơi thanh thản lại chờ đợi.

"Cô có thể nhìn lại về những bài học trong kiếp sống đó không? Cô có ý thức được những bài học này không?"

Cô thì thào, "Không". Cô tiếp tục chờ đợi. Đột nhiên, cô dường như tỉnh táo tuy mắt cô vẫn nhắm như thường lệ khi đi vào trạng thái hôn mê thôi miên. Đầu cô trần trụi bên này bên kia.

"Bây giờ cô nhìn thấy gì? Cái gì đang xảy ra?"

Giọng cô to lên. "Tôi cảm thấy ... người nào đó nói với tôi!"

"Họ nói gì?"

"Nói về kiên nhẫn. Người ta phải có kiên nhẫn..."

"Vâng, tiếp tục"

Câu trả lời từ nơi Bậc Thầy thi nhân. "Kiên nhẫn và đứng lúc ...mọi thứ sẽ đến khi nó phải đến. Đời sống không thể vội vàng, không thể hoạt động dựa vào thời khóa biểu như mọi người mong muốn. Chúng ta phải chấp nhận những gì đến với chúng ta vào lúc nhất định, và đừng đòi hỏi gì thêm nữa. Nhưng đời sống là vô tận, cho nên chúng ta không bao giờ chết, chúng ta chưa bao giờ thực sự được sinh ra. Chúng ta chỉ đi qua những giai đoạn khác nhau. Không có chung cuộc. Con người có nhiều phương chiều. Nhưng thời gian không phải như chúng ta thấy, mà đúng hơn là trong những bài học được học."

Ngừng lại khá lâu. Bậc Thầy thi nhân tiếp tục.

"Mọi việc sẽ sáng tỏ đúng lúc đối với bạn. Nhưng bạn phải có may mắn để hấp thụ kiến thức mà chúng tôi đã cho bạn." Catherine im lặng.

Tôi hỏi, "Có gì hơn nữa mà tôi phải học không?"

Cô thì thảo diệu dàng, "Họ đi rồi, tôi không nghe thấy ai nữa."

(Còn tiếp)

Hư Hư Lục

Thích Nữ Như Thủy

Chàng Rể Đa Sự

Ngày xưa ngày xưa, có một chàng trai nọ, chúng ta cứ tạm gọi anh chàng là An cho tiện.

An được cha mẹ hứa hôn với một cô gái láng giềng đồng trang lứa. Hai đảng chưa hề giáp mặt nhau. An chỉ nghe phong phanh rằng vị hôn thê của mình là một thiếu nữ khá diễm lệ, tam tông tứ đức đều đầy đủ. Và các bạn chàng vẫn thường kín đáo tỏ bày niềm ao ước được một người bạn đường tốt đẹp như chàng.

Để chứng tỏ cho cô dâu và mọi người biết rằng đảng gái đã không lầm khi chọn mình làm rể đông sàng. An cương quyết sẽ không bao giờ rước vợ nếu chưa lập được công danh với đời.

Từ đó người ta thấy An ngày đêm sôi kinh nấu sử, luyện võ ôn văn.

Ngày tháng dần qua, biết bao lần đảng gái bần tin cho An biết rằng họ không đòi hỏi nơi chàng gì hết, rằng tân nương sẽ được đưa đến vô điều kiện như lời giao ước năm xưa.

Nhưng lòng tự tôn của An đã không cho phép chàng hành động như bao nhiêu con người tầm thường khác... Chàng vẫn thường hình dung đến nhan sắc diễm lệ của nàng để tự an ủi và sách tấn mình trong những lúc thất chí sa cơ... Tất cả những gian truân khó nhọc mà chàng đã vượt qua há chẳng là vì nàng đó sao? Người thiếu nữ mà dung nhan còn mơ hồ dần dần trở thành một điểm tựa, một lý tưởng, một hải đăng định hướng cho đời chàng.

Mười năm trôi qua, An tạm hài lòng với con đường công danh của mình. Và một hôm hôn lễ được cử hành rất tưng bừng. Cô dâu được đưa về nhà chồng với vô số đồ trang sức và một tấm khăn voan che kín mặt.

(Xem tiếp trang 25)

CHÂU NGỌC NGÔN của ĐỨC THẦY

Huỳnh Hữu Phi

NHỮNG ĐIỀU ĐỨC THẦY CHỈ DẠY CHO HƯƠNG HÀO PHI

Những lời ghi sau đây. Tôi được Đức Thầy giải thích và chỉ dạy cách lễ bái và hành đạo hằng ngày trong thời gian tôi gần gũi bên cạnh Ngài.

Ngày 15 tháng 3 năm 1970
Huỳnh Hữu Phi

1 – Sự hành lễ hằng ngày: Thời sáng từ 4 đến 6 giờ, thời chiều từ 18 đến 20 giờ. Trước khi hành lễ nhớ súc miệng, rửa mặt, rửa tay sạch sẽ.

Điều cần lưu ý: Trường hợp đặc biệt khi đúng giờ hành lễ mà lỡ kẹt việc gì rất cần thiết không cúng được. Khi xong việc thấy đã quá giờ thì không nên cúng (*việc kẹt này là bất đắc dĩ, chứ không phải ham làm, ham chơi để cho quá giờ*).

Bài cúng Cửu Huyền và bài cúng Bàn thờ Phật, Bàn thông thiên, anh em đồng đạo ai cũng thuộc rành, xin miễn chép vào đây, chỉ ghi thêm chi tiết mà tôi tin rằng nhiều anh chị em chưa hiểu rành.

Bài nguyện hương tại bàn thờ Phật: Khi nguyện xong, xá cắm hương rồi lạy 4 lạy, sau đó chấp tay nơi ngực đọc bài Tây phương ngũ nguyện đến dứt, xá và chấp tay lên trán niệm: *Nam mô Bồ Sơn Kỳ Hương Phật, con thành tâm đánh lễ Đức Phật thế tôn*, rồi lạy 4 lạy. Lạy xong xá 3 xá, -1 xá chính giữa niệm: *Nam mô A Di Đà Phật*. -1 xá bên trái niệm: *Nam mô Đại Thế Chí Bồ*

Tát. -1 xá mặt niệm: *Nam mô Quan Thế Âm Bồ Tát*.

Tại Bàn thông thiên: trước khi nguyện hương, xá 3 xá, mỗi xá tại hướng Bàn thông thiên niệm: *Nam mô Ta Bà Giáo Chủ Chủ Bồn Sư Thích Ca Nâu Ni Phật*, còn 3 hướng kia mỗi hướng cũng xá 3 xá, mỗi xá niệm: *Nam mô A Di Đà Phật*, tại hướng chánh (*Bàn thông thiên*) nguyện y như trong bàn Phật, còn 3 hướng kia không đọc bài nguyện hương mà chỉ đọc bài Tây phương ngũ nguyện, khi đọc xong chấp tay lên trán niệm: *Nam mô Bồ Sơn Kỳ Hương Phật*, con thành tâm đánh lễ thập phương chư Phật, rồi lạy 4 lạy.

Khi lễ bái tứ phương xong rồi, nếu có ngồi niệm Phật thì ngồi kiết già hay bán già cũng được và ngồi lâu hay mau tùy sức khoẻ mỗi người. Điều cần lưu ý là ngồi cho thẳng lưng, mắt nhìn nơi chót sống mũi, tâm niệm đều theo hơi thở vô ra của mình. Niệm Phật là niệm cái bản lai thanh tịnh của Phật cho lòng nương theo đó mà bình tĩnh, chớ không phải niệm nhiều mà được.

Trong khi ngồi niệm Phật, nếu có gặp trường hợp tê rần và hơi nóng từ chót xương khu chạy lên theo xương sống thì lập tức xả liền, đừng để hơi nóng và tê rần ấy chạy lên Nê hoàn cung (xoáy ngo) sẽ có hại. Khi luồng tê và hơi nóng đó đã tan, muốn tiếp ngồi niệm nữa thì tùy ý. Khi ngồi niệm Phật xong tức là dứt thời hành lễ, đến trước bàn thờ Phật lạy đên ơn: *Quân, Sư, Phụ* (đoạn này tôi không nhớ nội Đức Thầy nguyện như thế nào và lạy mấy lạy).

2 – Việc niệm Phật nhiều hay ít:

Năm Đức Thầy ở Bạc Liêu, tôi được Ngài cho phép đến thăm. Trước đó tôi có tiếp xúc với một bạn đồng đạo ở Hòa Hảo, anh ấy cho tôi biết, mỗi ngày anh ấy niệm được 6.000 câu lục tự A Di Đà chia như sau: Thời cúng sáng 2.000 câu, thời chiều 2.000 câu, thời trưa 1.500 câu và từ sáng đến tối, đi, đứng, nằm, ngồi anh kể chắc niệm 500 câu.

Lúc đó tôi không nói ra, nhưng trong tâm có sự so sánh là làm sao cho bằng anh ấy hoặc hơn chứ không chịu thua.

Trong mấy ngày ở bên cạnh Đức Thầy ở Bạc Liêu, được Ngài chỉ cách cúng lạy và ngồi niệm Phật, khi xong, Ngài vỗ vai tôi và nói:

Niệm Phật là niệm cái bản lai thanh tịnh của Phật để lòng mình nương theo đó mà được bình tịnh, chớ không phải niệm nhiều mà được, và niệm để lấy số định chớ không phải lấy số nhiều, đừng thấy người khác niệm mỗi thời 2 ngàn, 3 ngàn câu mà so sánh.

3 – Nam và nữ hành lễ có khác nhau không?

Tôi có hỏi Đức Thầy về sự lễ bái, nam nữ có khác nhau không? Đức Thầy cho biết:

Đạo Phật không phân biệt nam nữ, cho nên sự cúng lạy như nhau, trừ khi đau yếu lạy đứng không nổi thì lạy quỳ, lạy quỳ không nổi thì nguyện rồi xá cũng được, chỉ cần lưu ý là lạy đứng thì chấp tay nơi ngực lạy xuống, mỗi lạy đều có xá lót. Khi lạy đủ 4 lạy rồi, đưa tay lên trán xá xuống. Còn lạy quỳ thì quỳ thẳng gối, tay đưa lên trán lạy xuống chớ không có xá lót.

4 – Tịnh hay niệm Phật:

Lúc Đức Thầy còn ở nhà, Ngài hỏi tôi trong giờ cúng ngồi niệm Phật bao lâu?

Tôi trả lời: Bạch Thầy, cúng xong con ngồi tịnh 45 phút.

Đức Thầy vỗ vai tôi và nói: Đừng nói tịnh, nói ngồi niệm Phật. Ngồi vậy nhiều lắm, bớt lại đi. Niệm Phật là số định, chớ không lấy số nhiều, đừng thấy người ta niệm nhiều mà so sánh.

5 – Không nên cúng 4 thời: (Tý, Ngọ, Mẹo, Dậu)

Lúc Đức Thầy ở nhà, anh tư Tỏ khoe với tôi rằng: anh đang hành lễ 4 thời (Tý, Ngọ, Mẹo, Dậu). Tôi hỏi anh định bỏ tôi sao mà làm vội dữ vậy? Tôi đem việc này xuống trình cho Đức Thầy hay. Ngài bảo về nói lại cho anh tư Tỏ biết:

Không nên cúng giờ Tý mà chỉ cúng giờ Ngọ thì được.

Tôi bạch: Tại sao cúng giờ Tý không được? Đức Thầy nói:

Vì giờ đó Ma vương rất nhiều, mình chưa đủ sức độ, dễ bị Ma vương xâm nhập.

6 – Đức Thầy tiết lộ tiền thân của Ngài:

Năm 1939, sau ngày 18/5, trong lúc thuyết pháp và trị bệnh, có nhiều lần Đức Thầy khuyên ông xã Hình tu hành, nhưng ông Hình còn do dự chưa tin.

Một hôm, ông Hình đến chơi vào lúc ban đêm. Đức Thầy đang nằm trên ghế bố gần vách tường, ông Hình lại gần, Đức Thầy cũng giục thúc việc tu hành. Ông Hình nói với Đức Thầy: Ông phải cho tôi thấy cái gì có thể tin được tôi mới tu. Đức Thầy liền giờ

tay lên bảo ông Hình xem thì thấy trong tường có 2 bóng tay, rồi giờ luôn 2 chân lên thì thấy 4 bóng chân. Ông Hình vẫn không tin và nói: Tôi với ông lại đứng trước tủ kiếng rồi cho tôi thấy sau lưng ông là ai thì tôi mới tu. Đức Thầy nói: **Ông không tin thì thôi, tôi không thể chịu theo ý ông muốn.**

Sau đó ít ngày, nhân buổi tối, Đức Thầy đến nhà ông Hình nhằm lúc vắng người, Đức Thầy nói với ông Hình:

Tôi đã khuyên ông nhiều lần mà ông mãi còn do dự, không chịu lo tu hành, nay tôi cho ông biết Quân sư Trạng Trình là tôi và Phật Thầy Tây An cũng là tôi, tùy sự nhận xét của ông, tôi không khuyên nữa.

7 – Hương Quán Diệp xin ăn chay trường:

Lúc Đức Thầy còn ở Bạc Liêu (nhà ông Ký Giỏi) anh Hương Quán Diệp xin với Thầy cho ăn chay trường, Đức Thầy không cho. Anh xin ăn chay theo Tam nguồn (tháng giêng, tháng bảy và tháng mười) thì Ngài cho, và anh xin cử ăn thịt trong 12 con giáp, do đó anh không dám nguyện mà chỉ ăn một thời gian. Khi thực hiện, anh thấy rất khó tránh hơn ăn chay trường, nên anh thôi không dám cử nữa.

8 – Tu giải thoát:

Hỏi Đức Thầy còn ở nhà, tôi xin Ngài chỉ cho phương pháp để đi thẳng con đường giải thoát. Ngài hỏi tôi: **Hương Hào nghĩ thế nào mà đòi đi thẳng con đường giải thoát?** Tôi bạch: Vì nghe Thầy giảng giải và con nghiền ngẫm sấm kinh nên nhận thức rằng các sự vật ở cõi Ta bà đều giả tạm và xác thân tứ đại này cũng không tồn tại, nên con không còn nghĩ đến danh lợi, quyền tước hay địa vị hoặc sản vật điền viên, con

mới định đi thẳng con đường giải thoát để nhờ thân sau.

Đức Thầy vỗ vai tôi và nói:

Tốt lắm! có căn duyên mới nghĩ được như vậy, nhưng chưa được vì trên đường tu tiến tới đạt mục đích là giải thoát, trước tiên phải tròn Nhân đạo, giữ vẹn Tứ ân, đến khi có Chúa Thánh ra đời, Thầy sẽ dắt dẫn cho và phải có Chúa chứng cho mới được. Đất nước đang bộn ngoại xâm, dân tộc còn nô lệ, khổ sở mà mình ngồi một chỗ niệm Phật để giải thoát, ai chứng cho.

Đức Thầy nhắc tích:

Khi xưa, Từ Thứ vì chán cảnh quan lại, quyền tước mới rời bỏ địa vị vào rừng lo tu. Nhân buổi nhà vua đi du ngoạn, quân sĩ đang chèo thuyền rồng, làm đứt quai chèo, mới ghé thuyền nơi ven rừng, bứt dây làm quai. Lúc đó nhà vua nghe tiếng rên mới hỏi vị quân sư tại sao quân nó bứt dây lại nghe có tiếng rên? Vị quân sư đáp: Nơi đây là khu rừng mà Từ Thứ nằm tu, vì lâu ngày, có lẽ cây cỏ, rễ cây đã bám vào da thịt, quân sĩ bứt dây động đến thân ngài. Nhà vua hỏi: Từ Thứ đã tu lâu rồi mà chưa thành đạo sao? Quân sư đáp: Vì chưa có sự chứng quả của Minh đế nên ngài còn nằm ở đó. Nhà vua mới nói: Vậy ta chứng cho Từ Thứ đó, ngày giờ này chưa thành đạo còn đợi chừng nào! Sau lời chứng của nhà vua, Từ Thứ thành đạo liền.

Đức Thầy vỗ vai tôi nói: Đó thấy không, phải có như vậy mới được, nếu không, đến khi nhận thức được Nhân đạo mình chưa làm tròn, Tứ ân chưa vẹn, không thể giải thoát được, mới lo làm thì đi sau những anh em khác và cũng chưa chắc có đủ ngày giờ cho mình làm.

9 – Nhà cầm quyền Pháp định dời Đức Thầy đi:

Tháng 3 năm Canh Thìn (1940) lúc 17 giờ 30 (tôi không nhớ ngày), bà Phủ Lễ vợ ông quận trưởng Tân Châu xuống nhà tôi, bảo tôi xuống cho Đức Thầy hay người Pháp định dời Đức Thầy đi nơi khác và có thể họ tiêm thuốc cho chết hoặc bại xụi như trường hợp ông Cao ở Núi Sam. Tôi vội vã đạp xe đạp xuống cho Đức Thầy hay. Khi đến Tổ Đình lúc quá đờ đèn, lúc ấy Đức Thầy đang tiếp khách và hỏi tôi: *Có chuyện gì cần lắm hay sao mà xuống tới vậy?* Tôi thưa cũng có chút việc, rồi đi thẳng vào nhà trong, nằm tại ghế bô. Khi khách về, Đức Thầy vô hỏi tôi: *Có chuyện gì nói cho Thầy biết.* Tôi vừa khóc tủi, thuật lại tin bà Phủ Lễ cho biết. Đức Thầy nói:

Tụi Pháp nó để cho Thầy yên, Thầy sẽ hướng dẫn chúng sanh tu hành, làm lành lánh dữ, còn nó có giết thì Thầy làm tròn bổn phận chớ có gì đâu.

Nói xong Đức Thầy đi vô nhà sau, tôi càng khóc tủi nhiều hơn. Độ 10 phút sau, Đức Thầy trở ra ngồi sát bên tôi, tay choàng qua cổ và nói:

Pháp có dời Thầy qua nơi khác, Thầy sẽ dạy chúng sanh nhiều hơn nữa, nó không làm hại Thầy được đâu, Hương Hào đừng buồn tủi.

Sau đó ít ngày tôi xuống và ở đêm, nhằm lúc trời nóng nực quá, Đức Thầy cặp cổ tôi đi ra phía trước đường cho mát. Độ 8–9 giờ đi vô nhà, Đức Thầy xô tôi đi trước, khi vô đến sân. Đức Thầy nắm vai tôi kéo lại và bảo:

Hương Hào hãy nhìn trăng trên trời, hào quang vẫn sáng, những kẻ ở thế gian muốn phá hoại cái Đạo của Thầy không

được đâu.

10– Sao Tử Vi:

Kể đó, Đức Thầy hỏi tôi: *Hương Hào có biết sao Tử Vi chưa?* Tôi trả lời: Con thấy trong giảng nói sao Tử Vi quang minh sáng suốt mà sao nào thấy cũng sáng hết, không biết sao nào là sao Tử Vi. Thầy nói:

Để cho Thầy chỉ cho coi, sao Hôm lớn chừng 10, còn sao Tử Vi chừng 8. Sao Tử Vi màu hơi đỏ, tất cả các sao khác đều chớp, đặc biệt chỉ có sao Tử Vi không chớp, lúc đó sao Tử Vi nằm chính về phía Nam.

Tôi hỏi thêm: Thầy đây cho tới thời kỳ hay sao? Đức Thầy đáp:

Đây là trên trước cho biết, rồi sẽ không thấy nữa, gần tới thời kỳ sẽ thấy lại.

11 – Đức Ông xác nhận Đức Thầy không chỉ dạy gì riêng cho Đức Ông:

Từ lúc Đức Thầy còn ở nhà cũng như lúc đã dời đi nơi khác, mỗi khi tôi hoặc chị hai tôi được Thầy chỉ dạy việc gì, đều có nói lại cho Đức Ông nghe. Đức Ông nói: *Thầy có chỉ dạy cho bây điều gì thì nói lại cho tao biết đừng làm theo, chớ Thầy không chỉ riêng cho tao việc gì cả.*

12 – Trước khi trì niệm lục tự Di Đà cũng nên niệm 10 danh hiệu chư Phật:

Lúc Đức Thầy ở Bạc Liêu, tôi được Đức Thầy cho phép đến thăm. Tôi có trình với Đức Thầy rằng, tôi có một quyển sách nói về đạo Phật, trong đó có khoản chỉ cách niệm Phật: Trước khi trì niệm Lục Tự Di Đà cũng nên niệm 10 danh hiệu chư Phật tùy mình chọn, có đúng vậy không? Đức Thầy

đáp: **Đúng!**

Mười danh hiệu chư Phật sau đây là ông Kỳ Giỏi có hỏi ý kiến Đức Thầy:

Nam mô Nhiên Đăng Đại Cổ Phật.
 Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Phật.
 Nam mô Di Lặc Tôn Phật.
 Nam mô Quan Âm Nam Hải Phổ Đà.
 Nam mô Đại Thế Chí Bồ Tát.
 Nam mô Quan Thế Âm Bồ Tát.
 Nam mô Định Tâm Vương Bồ Tát.
 Nam mô Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát.
 Nam mô Bửu Sơn Kỳ Hương Phật.
 Nam mô Vô Tận Phật.
 (Mỗi danh hiệu niệm 3 biến)

13 – Bàn thiên cơ:

Năm Đức Thầy còn ở bệnh viện Chợ Quán, mỗi tuần được đến thăm Thầy hai ngày: Thứ hai và thứ năm, đúng 2 giờ mới được vô và đúng 5 giờ chiều thì ra hết.

Có một lần, tôi và nhiều anh chị em vô thăm, khi thấy đồng hồ 4 giờ, Đức Thầy nói: **Bữa nay Thầy có chút việc, vậy anh em hãy ra về sớm một tiếng.** Lúc anh em đi ra, tôi cũng cùng đi ra, nhưng Đức Thầy bảo: **Hương Hào ở lại Thầy hỏi thăm.**

Sau khi gọi tôi xong, Đức Thầy hỏi tôi: **Hương Hào muốn hỏi gì không? Thầy nói cho nghe.** Tôi hỏi: trong bài Từ già làng Nhơn Nghĩa có câu:

*Chùng nào Thầy lại gia trung,
 Thì trong bốn đạo bóng tùng phủ che.*

Vậy chùng nào Thầy mới trở lại gia trung? Đức Thầy đáp:

Trên trước có cho biết, nhưng Thầy không

thể nói trắng ra được. Hương Hào về coi lại trong sấm giảng và các bài ngắn Thầy có nói trong đó.

Tôi bạch: từ ngày Thầy đi, anh em ở nhà có bàn rất nhiều câu mà cũng không trúng. Theo con nghĩ, bàn về thiên cơ chẳng biết có lỗi không? Đức Thầy nói:

Thiên cơ chẳng nên bàn, vì Phật, Thần, Thánh nói rất rộng, như nói Tý Sửu hoặc Thìn Ty, thì năm, tháng, ngày, giờ đều có Tý, Sửu, Thìn, Ty, làm sao biết rõ được. Nếu may mình có bàn trúng được thì mang tội, còn bàn trật thì cũng có lỗi. Chỉ suy gẫm để hiểu thì được, không nên bàn rộng.

14 – Ngày giỗ ông bà:

Lúc Đức Thầy còn ở nhà, tôi có hỏi Đức Thầy: Bạch Thầy, có nhiều gia đình trước kia ông bà, cha mẹ không có tu nên không có ăn chay. Giờ đây con cháu đã quy y thọ giáo với Thầy, ngày giỗ ông bà phải cúng như thế nào? Thầy đáp:

Chết nhằm ngày chay thì cúng chay, còn ngày mặn thì có chi cúng nầy (thuật y nguyên văn).

15 – Sự điều bái đám xác như thế nào?

Lúc Đức Thầy còn ở nhà, tôi có hỏi Đức Thầy khi đi đám xác, lễ điều bái như thế nào? Thầy đáp:

Nếu tang chủ và xung quanh trong xóm là người ngoại đạo, thì sự điều bái cũng giống như từ trước, để tránh sự mỉa mai của những người không ưa đạo. Còn đồng đạo với mình thì điều bái cũng như lễ Phật. Sở dĩ có sự dè dặt như vậy là để tránh cho

những người mĩa mai khỏi mang tội.

Tôi hỏi thêm: Bạch Thầy, có lạy quan tài không và lạy mấy lạy? Thầy đáp:

Có và lạy 4 lạy. Nếu người chết bằng tuổi với mình hoặc lớn hơn thì lạy, còn người chết nhỏ tuổi hơn mình thì vái rồi cắm nhang thôi. Và người chết là người trong thân tộc thì trước khi cầu nguyện có trình với Cửu huyền, còn người chết không phải trong thân tộc thì chỉ cầu nguyện trước bàn thờ Phật thôi.

16 – Một câu sách: Quân xử thần tử...

Lúc Thầy còn ở nhà, có anh em hỏi Thầy một câu trong sách nói:

“Quân xử thần tử, thần bất tử bất trung; Phụ xử tử vong, tử bất vong bất hiếu.”

Trung mà chịu chết như Nhạc Phi, Trịnh Ân. Tức quá Thầy? Thầy đáp:

Đó là quân minh thì thần mới trung, còn phụ tử thì tử mới hiếu. Sách có nói rõ: “Quân xử thần dĩ lễ, thần xử quân dĩ trung, quân thị thần như thảo giới, thần thị quân như khấu thù”. Và “Phụ xử tử vong, tử bất vong bất hiếu” là phụ tử tử mới hiếu, còn “phụ bất tử” thì “tử biệt ly hương”. Xem sách sử anh em phải nhận xét cho tột lý mới được.

17 – Chiếc vòng Thầy cho ông Lương Trọng Tường:

Trước năm 1945, lúc Đức Thầy ở Sài Gòn, có một người Tàu vô Việt Nam đã lâu, ông ấy bệnh đến xin Thầy chữa trị. Sau khi người tàu ấy hết bệnh, đem tặng Đức Thầy một chiếc vòng kim cương để đền ơn. Đức Thầy không nhận và nói:

Tôi giúp đời không đợi trả ơn, ông đã lành bệnh, lo tu hành và làm việc phước thiện là được rồi.

Ông ấy tha thiết thỉnh cầu Thầy nhận giùm vì ông đã nguyện với Phật rồi. Đức Thầy nói:

Ông đã quyết tâm như vậy, tôi nhận cho ông vui, chứ tôi không có đeo vật gì cả.

Từ đó, mỗi khi ông Tường vào thăm Đức Thầy đều có sắm soi chiếc vòng ấy. Có một hôm, ông vào thăm Thầy, cũng sắm soi chiếc vòng như mấy lần trước, nhưng lần này ông đeo chiếc vòng và lần vô tới cánh tay mới vừa, Đức Thầy thấy vậy mới lại gần hỏi:

Ông Tường, ông muốn đeo lắm sao? nếu muốn tôi tặng ông đó!

Ông Tường có chiếc vòng là như tôi vừa kể trên.

18a – Việc bố thí:

Năm Đức Thầy ở Bạc Liêu, tôi được Đức Thầy cho phép đến thăm. Một hôm đang ngồi trò chuyện, Ngài chỉ cách giúp đỡ cho người đói khổ tật nguyên: *khi cho xong tâm phải cầu nguyện cho người ấy biết hướng thiện và lo tu hành để kiếp sau khỏi phải mang tật nguyên, đói khổ như hôm nay.*

18b - Thượng xác cõi đồng.

Ngưng một chập, Ngài nói tiếp: *Hồi còn ở nhà, Thầy có nghe Hương Hào nói Sở mật thám Pháp mời làm việc, vậy Hương Hào về làm việc với nó đi. Thầy bây giờ không còn biết gì nữa, mấy ông dốt xác đến đây rồi bỏ đi đâu hết rồi. Tôi nhìn Thầy còn đang phân vân thì Ngài tiếp:*

Hương Hào nhắm coi Thầy về Hòa Hảo vô làm làng được không?

Tôi đáp: Pháp đã không tin nên mới dời Thầy đi, bây giờ Thầy trở về vô làm làng bao giờ nó cho. Thầy nói:

Ở không lâu ngày đã lú xương, bây giờ về cầm cây không được nữa, còn vác bao làm sao Thầy vác nổi.

Tôi đáp: mấy ông ở trong mình Thầy chớ đi đâu. Tôi nói dứt lời, Thầy chỉ tôi và nói:

Tại sao nói vậy? cho người đời nói mình mê tín dị đoan, trên trước cho Thầy sáng tâm, nói pháp chớ đâu phải thượng xác cõi đồng mà vô ra.

(Điều này anh chị em cần ghi nhớ, tôi đã nói lời thông thường không để ý mà Đức Thầy đã chính liền, còn nói chi việc có một ít anh chị em tin rằng Đức Thầy đã về cho xác này hay xác khác, việc này không thể có được.)

19 – Ngày Đức Thầy trở về: (1)

Năm 1947, ông Hương Sư Vàng ở Hòa Hảo thuật lại cho tôi nghe rằng, lúc Đức Thầy còn ở nhà, có một lần đến nhà ông, ngoài đàm luận về đạo lý, Thầy cho biết:

Bây giờ tôi đi đến đâu thì anh em tín đồ cũng đi theo đến đó, nhưng sau này có một thời gian tôi vắng mặt, không một tín đồ nào biết tôi ở đâu”.

Ông Sư Vàng hỏi: “Thời gian vắng mặt đó, chừng nào Thầy mới trở về?”

Đức Thầy đáp: “*Chừng tới thời kỳ thì tôi mới trở về và trở về ngã hậu, ông có biết ngã hậu là ngã nào không?*” (xin miễn ghi đoạn sau).

Anh em cần lưu ý: chừng nào Đức Thầy trở về bằng thể xác như từ trước, chỉ khác là năm vắng mặt (thọ nạn) Đức Thầy còn trẻ, khi trở về thì xác đã già.

20 – Ngày Đức Thầy trở về: (2)

Lúc Đức Thầy còn ở nhà, có nói với tôi tại nhà Đức Ông: “*Sau này có một thời gian Thầy vắng mặt, khi nghe tin Thầy về, có người quả quyết đã gặp Thầy thì cũng đừng đến, khi có lệnh Thầy sẽ đến”.*

21 – Phương pháp diệt lục căn, đừng nhiễm lục trần:

Năm Đức Thầy còn ở nhà, tôi xin Đức Thầy chỉ cho tôi phương pháp diệt lục căn đừng nhiễm lục trần, để tôi thực hành.

Đức Thầy nói: *phương pháp chẳng thiếu gì, vì viết ra mấy ngày cũng không hết, chủ yếu do tâm quán tưởng là căn bản.*

Tôi bạch: Quán tưởng như thế nào?

Thầy đáp: *Quán tưởng là muôn loài vạn vật ở cõi trần lao đều tạm giả, đã là giả tạm thì làm sao tồn tại được. Nhận thức như vậy tâm mới không ô nhiễm, dù học bao nhiêu phương pháp mà tâm vẫn còn nhiễm trần cũng không đi đến đâu.*

22a – Sự chạy lạt:

Năm 1946, tình hình ở miền Tây rất phức tạp, anh em có khả năng quân sự hoạt động ráo riết và đưa tin: Nếu anh em nào không tham gia bộ đội, chừng Đức Thầy về sẽ có tội. Đa số anh em thiện chí rất hoang mang, nếu không tham gia thì sợ có tội, còn muốn tham gia thì không thấy lệnh, chỉ nói truyền nhau bằng miệng. Anh em yêu cầu tôi lên Sài Gòn thỉnh ý Đức Thầy. Vì lợi ích chung

trong đoàn thể, mặc dù lúc ấy tôi đang bệnh cũng rán đi. Khi đến Sài Gòn, tôi nhờ liên lạc trình với Đức Thầy và Thầy cho phép ngày hôm sau (tức ngày 29) đúng 8 giờ sáng gặp nhau tại tiệm cơm chay hiệu Phật Hữu Duyên của người Tàu ở Chợ Lớn. Tiệm này thường ngày đúng 10 giờ mới mở cửa, vì vậy khi đến nơi không vào được. Đức Thầy mới dẫn tôi tới một tiệm khác cũng gần đó. Thầy kêu điểm tâm bằng tiếng Quảng Đông nên tôi không hiểu. 10 phút sau, cô xấp bung đồ ăn đến, để lên bàn một bình nước trà, hai chung nước uống, một đĩa bông lan và 2 tô bún cà ri nấu với thịt heo. Đức Thầy đưa tôi một tô và bảo ăn đi, tô còn lại Thầy ăn. Tôi ngồi nhìn, không ăn. Đức Thầy ăn 3 miếng rồi dòm lên, thấy tôi đang nhìn, Đức Thầy bảo: ***Cứ ăn đi, tùy trường hợp. Ăn đi Thầy sẽ giải thích cho nghe.*** Chừng đó tôi mới dám ăn.

Khi ăn xong, tôi trình mọi việc xảy ra ở miền Tây. Đức Thầy giải đáp từng sự việc và bảo tôi nhớ trình cho kỹ để Thầy dạy cho. Tôi sợ quên nên có ghi sẵn trong giấy, khi coi lại cũng đầy đủ. Đức Thầy mới giải thích vấn đề ăn chay, Đức Thầy nói:

Người tu cần phải giữ giới, nếu không sao ra về người tu, nhưng Thầy dạy ăn chay mỗi tháng 4 ngày mà hiện giờ Thầy và Hương Hào ăn mỗi tháng 6 ngày, khi đến thăm nhà đồng đạo nhằm ngày mùng 8 hay 23, chủ nhà mời dùng cơm, nếu mình nói ăn chay, để cho chủ nhà phải lo đồ ăn chay thì mang tội. Chủ nhà mỗi tháng 4 ngày, tất nhiên dọn đồ ăn mặn. Mình cứ ăn trong tâm vẫn nhớ ngày ăn chay. Tùy hoàn cảnh và trường hợp, nếu cố ý mới phạm giới.

22b – Không ăn chay trường vẫn tu thập thiện:

Cũng trong dịp này, tôi bạch với Đức Thầy, có một số anh chị em luận rằng nếu không ăn chay trường thì không thể tu thập thiện, và không tránh được giới sát sanh. Đức Thầy đáp:

Chay trường không phạm sát sanh sao? Những cây rau, cỏ ăn được, khi cắt nó, thứ thì có mủ, thứ thì có nước như các loài vật hữu tình có máu vậy, mình làm bữa bãi ăn không hết rồi bỏ. Đó là phạm giới sát đó! Phật còn phạm huống chỉ là chúng sanh.

Tôi càng ngạc nhiên hơn nữa, mới bạch Thầy: đã là Phật rồi sao còn phạm sát sanh? Thầy đáp:

Phật chỉ phạm gián tiếp, vì thấy chúng sanh ở cõi Ta bà này nhiều nghiệp quá, nên mới chịu nhiều tai ách khổ sở. Phật thương nên mới chỉ dạy phương pháp cho chúng sanh tu hành để giải thoát, tại chúng sanh không chịu tu, hoặc tu mà không hành đúng chánh pháp, đến ngày đến tội trả quả, trước mặt Phật mà Phật không cứu được. Phật chỉ dạy phương pháp cho chúng sanh tự làm để giải nghiệp và thoát khổ chứ Phật không trả nghiệp thế cho chúng sanh được.

22c – Ăn chay trường:

Đức Thầy nói tiếp:

Ăn chay trường được là tốt, nhưng phải gắng sửa được: chay tâm chay tánh mới quý! chứ chay về vật chất không đi tới đâu. Nếu ăn chay suông mà thành đạo thì thời kỳ này, con trâu, con bò, con ngựa, khi đâu có tái kiếp.

Ăn chay được là điều rất tốt, nhưng không nên chấp, mà phải cố gắng diệt trừ thói hư tật xấu và tránh tất cả những điều gian ác

dù lớn hay nhỏ, làm tất cả các việc thiện dù nhỏ hay lớn.

Đức Thầy nói tiếp:

Lúc Đức Phật còn tại thế, trước khi nhập niết bàn, đức Phật cho biết trong tám muôn bốn ngàn pháp môn của Phật, chỉ có pháp môn Tịnh độ là dễ tu dễ đắc (nhờ tha lực), hợp với căn cơ của chúng sanh ở cõi đời Hạ ngươn mạt pháp này, còn các pháp môn khác đều là thiên lực tông (tu tự lực), cho nên không một chúng sanh nào ở cõi đời mạt pháp này tu theo thiên lực tông mà đắc quả nổi.

Bởi vì tu tự lực là Thụ xuất tam giới. Cũng như con một đực cây tre từ dưới gốc lên tới ngọn mới ra ánh sáng. Mà kiếp con một chẳng bao lâu ngày cho nên đực chưa tới ngọn thì đã hoá kiếp. Vì vậy lần quân trong lòng cây tre rồi hết kiếp.

Còn pháp môn Tịnh độ là Hoàn siêu tam giới (nhờ tha lực). Cũng như con một đực cây tre, nhưng nhờ có tha lực hộ trì nên chỉ đực ngang cây tre là ra ánh sáng.

23 – Điên khùng:

Tôi thấy có một số anh chị em đồng đạo, khi giận con cháu thường mắng “đồ điên, đồ khùng”. Năm Đức Thầy ở nhà Hương bộ Thạnh tại rạch So Đũa (Kinh Xáng Xà No) tôi đến thăm, cùng đi với tôi có một người chú bà con và một số anh chị em khác. Lúc ngồi chơi tại cầu mát dưới bến sông nhà Hương bộ Thạnh, anh em trò chuyện có nhắc đến anh Phạm điên ở Phú Lâm: mỗi khi cho anh một đồng bằng bạc các, anh mừng hơn cho anh 5 đồng bằng giấy. Người chú tôi nói: “Đồ điên đó mà biết gì!”. Chú tôi vừa nói dứt lời, Đức Thầy cũng vừa bước tới vỗ vai chú tôi và nói: *Nên nói nó lãng trí*

chớ khùng điên khó kiếm lắm! Vậy nên anh chị em nào mắc phải điều này cũng nên tránh hẳn.

Những điều tôi ghi trên đây đúng với sự chỉ dạy của Đức Thầy, còn tin hay không là tùy sự nhận xét của anh chị em.

Ngày 15 tháng 3 năm 1970

Huỳnh Hữu Phi



Ông HUỖNH HỮU PHI
(1911-1995)

(Còn tiếp)

Chàng rẻ đa sự (Tiếp theo trang 16)

Và trước mặt rất đông quan khách, An đưa tay giở tấm khăn che mặt tân nương. Bỗng nhiên người ta nghe tiếng kêu thảng thốt của An:

- Chèn ơi! Tưởng ai đâu xa lạ. Té ra nàng chính là người vẫn thường xắt chuối cho heo ăn và vớt bèo nuôi vịt mà tôi thường thấy thường ngày qua song cửa đó ư?

Người ta không đồng ý với nhau về đoạn kết của câu chuyện. Có người cho rằng sau đó An bỏ nhà đi biên biệt vì tân nương đã làm cho chàng quá sức thất vọng. Nàng đã
(Xem tiếp trang 28)

Phân Biệt Phật Giáo Nam Tông Và Bắc Tông

Trần Văn Bạo



Chúng ta vẫn thường nghe nhiều về Phật giáo Nam Tông và Phật giáo Bắc Tông. Giữa hai nhánh này có gì khác nhau và giống nhau? Để hiểu rõ hơn hệ tư tưởng của mỗi nhánh nhằm phục vụ cho mục đích tu hành đúng hướng, chúng ta cùng tìm hiểu về điều này qua nội dung sau.

Vài nét sơ lược về Phật giáo Nam Tông và Bắc Tông

Trong quá trình hình thành và phát triển, Phật giáo đi qua nhiều thời kỳ khác

nhau. Từ đó, sinh ra nhiều nhánh với tên gọi tùy vào điều kiện địa lý và cách diễn giải kinh Phật.

Ấn Độ là chiếc nôi của Phật Giáo, sau đó đạo đã lan truyền dần sang các nước lân cận, rồi toàn bộ Á Đông, và cuối cùng là toàn cả thế giới. Quá trình truyền bá đi theo 2 hướng: 1 về hướng Bắc được gọi là Phật giáo Bắc Tông, mang tư tưởng Đại Thừa. Và 1 về phương Nam gọi là Phật giáo Nam Tông, mang tư tưởng Tiểu thừa.

Sự phân chia này không phải do mâu thuẫn

về tổ chức hay bất kỳ quyền lợi, địa vị nào. Chỉ đơn giản là do khác biệt trong quan điểm về giáo lý, giới luật.

Hai hệ phái này không phải do đức Phật phân chia, mà do Tăng đoàn chia ra vào thời kết tập Kinh Điển lần thứ hai do Ngài Da Xá – Yassa làm chủ tọa.

Phật giáo Nam Tông còn được gọi là Phật giáo nguyên thủy. Các Sư Nam Tông vẫn giữ được truyền thống đi khất thực. Còn Phật giáo Bắc Tông không đi khất thực mà tự nấu chay.

Về ngôn ngữ, Ấn Độ có 2 ngôn ngữ chính, Sansrit tại bắc Ấn và Pali tại nam Ấn. Các sư Nam Tông thường tụng kinh bằng tiếng Pali. Tuy nhiên các nước theo Nam Tông cũng có dịch kinh tạng Pali sang ngôn ngữ của mình.

Các nước Bắc Tông hầu như đều dịch Kinh Tạng tiếng Sanskrit sang tiếng quốc ngữ của mình để nghiên cứu và đọc tụng dễ hơn.

Các sư Nam Tông thì thường tu tập chung một pháp môn - pháp tứ niệm xứ. Còn Bắc Tông đa phần tu tập nhiều pháp môn thiền quán khác nhau.

Phật Giáo Bắc Tông - theo quan điểm Đại Thừa

Đại thừa tức là "cỗ xe lớn", "bánh xe lớn". Xuất hiện vào thế kỉ thứ nhất TCN, phái này tự nhận là cỗ xe lớn nhờ tính đa dạng của giáo pháp. Mục đích là để mở đường cho một số lớn chúng sinh có thể giác ngộ.

Cả hai tư tưởng Tiểu thừa và Đại thừa đều bắt nguồn từ vị **Phật Thích Ca Mâu Ni**. Nhưng điểm khác nhau chính đó là sự quan tâm về thực hành giáo pháp và tư tưởng.

Hình tượng tiêu biểu của Đại thừa là Bồ Tát

với lòng từ bi và nhẫn nhục. Bộ kinh được xem là kinh văn Đại thừa đầu tiên xuất hiện là Bát nhã bát thiên tụng.

Phật giáo Nam Tông - theo quan điểm Tiểu thừa

Tiểu thừa nghĩa là "cỗ xe nhỏ", chỉ những người theo Phật giáo nguyên thủy. Trước năm 1950, nhiều nhà nghiên cứu đạo Phật đã có ý định thay thế danh từ này nhưng không đạt kết quả. Vì hệ tư tưởng đã khắc sâu trong tâm khảm của nhiều Phật tử. Kinh văn đầu tiên xuất hiện là Thanh văn.

Phật giáo Nam Tông và Bắc Tông có khác nhau về hình thức cách sống, nhưng về phương diện tu học đều giống nhau là lời dạy của đức Phật

Phân biệt Phật giáo Nam tông và Bắc Tông

Để có thể phân biệt chính xác Phật giáo Nam Tông và Bắc Tông. Chúng ta tìm hiểu theo quan điểm của 2 tư tưởng Đại Thừa và Tiểu Thừa.

Điểm khác biệt giữa Phật giáo Nam Tông và Bắc Tông

Xét về điểm khác biệt, chúng ta có thể kể ra nhiều phương diện khác nhau như là:

Thờ cúng

Nam Tông chỉ thờ Phật Thích Ca Mâu Ni. Bắc Tông thờ rất nhiều vị Phật và **Bồ Tát**.

Theo quan niệm chung của Phật giáo Nam Tông, họ cho rằng đức Thích Ca là người bình thường như bao người khác. Ngài cũng sẽ có những nhu cầu cơ bản cho đời sống như ăn, mặc, ngủ,... và cũng bị chi phối bởi định luật vô thường. Đồng thời không tránh khỏi kiếp khổ nhân sinh “sinh lão bệnh tử”.

Tuy nhiên, ngài chỉ khác với người thường ở chỗ hoàn toàn giác ngộ. Mà điều này có được là sau khi ngài xuất gia nỗ lực tu hành và đạt được chánh quả, thoát hẳn vô thường. Còn chúng sanh thì mãi lặn ngụp trong chấp mê bất ngộ nên không thể thoát khỏi sanh tử luân hồi.

Ngược lại, Phật giáo Bắc Tông thì **đức Phật Thích Ca** khác hơn nhiều so với người thường. Cái thân của Phật mà chúng ta thờ cúng, nhìn thấy chỉ là hóa thân thị hiện của Ngài mà thôi. Vì muốn phổ độ chúng sanh, nên Ngài đã thị hiện ở nơi loài người để tiện bề giáo hóa. Thực ra Ngài đã là Phật từ vô lượng kiếp rồi.

Quan niệm Bắc Tông cho rằng mỗi chúng sanh đều có Phật tánh hay pháp thân. Mà pháp thân thì lặng lẽ không sanh không diệt. Cho nên nơi nào xứ nào mà chẳng có Phật?

Xuất Gia

Tư tưởng Đại Thừa khi một người đã xuất gia thì xuất gia vĩnh viễn không hoàn tục. Nên đã xác định có duyên với con đường Phật đạo, thì nhất định phải tu thành chánh quả.

Còn Tiểu thừa khác ở chỗ nam thanh niên bắt buộc lớn lên phải tu báo hiếu trong chùa. Sau khi kết thúc thì có thể quay lại tu tiếp hoặc lấy vợ sinh con (hoàn lương) bình thường.

Ăn Chay

Phật Giáo Bắc Tông quy định ăn chay phải là không ăn đồ có máu, có sinh mạng. Và hoàn toàn ăn chay trường trong suốt quãng đời tu hành.

Còn Nam Tông thì các nhà sư đi khất thực mỗi sáng, dùng bất kỳ thứ gì Phật tử cúng

dường kê cả đồ mặn, miễn là không vì mình sát sinh và không biết vì mình mà sát sinh. Họ chỉ dùng thực mỗi ngày 1 bữa chính vào lúc 12h trưa, sau đó thì dùng đồ nhẹ.

Y Phục

Y Phục của Phật giáo Bắc Tông kín đáo khắp người, không lộ vai. Còn y phục của Phật giáo Nam Tông thì lộ vai trái.

Qua những điểm khác biệt của Phật giáo Nam Tông và Bắc Tông, chúng ta thấy được sự đa dạng các hệ tư tưởng trong cùng một Đạo. Khác biệt này không ảnh hưởng gì đến sự phát triển và thịnh vượng của Phật giáo hôm nay và cả mai sau. Con người ở mỗi quốc gia, mỗi vùng, mỗi xứ đều có quyền chọn cho mình một tư tưởng phù hợp để theo đuổi và tu hành./-

Chàng rể đa sự

(Tiếp theo trang 25)

không chịu ăn hoa uống sương và thêu vàng giác ngọc như chàng hăng mơ tưởng... mà lại là một thiếu nữ hoàn toàn bình thường và đảm đang như bao nhiêu người vợ hiền khác.

Nhưng lại cũng có kẻ quả quyết rằng sau ngày hôn lễ, An đã tuyên bố rằng tân nương tuy không giống như người trong mộng của chàng nhưng mà nàng cũng không đến nỗi xấu xí... Và chàng kết luận rằng chỉ vì tánh khí cao ngạo ngông cuồng mà chàng đã phí mất mười năm dài lao nhọc trong khi lúc nào nàng cũng ở bên cạnh chàng...

Nhưng nơi đây người kể không cốt ý trình bày một câu chuyện tình có hậu trong thế gian, mà chỉ thừa hứng nghĩ lan man về tu hành giới, về chuyện hạ thủ công phu của nhà thiền... cũng như lao tâm khổ trí, những niềm sầu nỗi chán trên đường tầm đạo...

(Xem tiếp trang 30)

Danh sách các nước và dân số tôn giáo ở Bắc Mỹ

Sưu tầm



1. Bermuda
2. Canada
3. Greenland

4. St. Pierre và Miquelon
5. Hoa Kỳ

Tổng dân số: 344,526,000

Kitô hữu:

Dân số: 266,609,682

Tỷ lệ phần trăm: 77.38%

Người Hồi giáo:

Dân số: 3,508,512

Tỷ lệ phần trăm: 1.02%

Người Do thái:

Dân số: 5,927,220

Tỷ lệ phần trăm: 1.72%

Phật tử:

Dân số: 3,997,020

Tỷ lệ phần trăm: 1.16%

Người Hindu:

Dân số: 2,338,560

Tỷ lệ phần trăm: 0.68%

Không liên kết:

Dân số: 58,978,428

Tỷ lệ phần trăm: 17.12%

Tôn giáo dân gian:

Dân số: 1,031,280

Tỷ lệ phần trăm: 0.3%

Tôn giáo khác:

Dân số: 2,169,378

Tỷ lệ phần trăm: 0.63%

Chàng rể đa sự ([Tiếp theo trang 28](#))

Chân lý là một cái gì khi ẩn khi hiện như thực như hư. Hành giả thường không biết mình đang làm gì và ở nơi đâu trên đường tìm kiếm, đang đi hay sắp đến. Đạo ở nơi đâu, ra sao mà thiên sư Nam Tuyền lại khẳng định rằng: “Tâm bình thường là đạo.” Và tổ Đạt Ma lại dạy “Càng cố tâm tìm càng chẳng biết.” Nhất là câu nói sau đây của Cổ Đức “Đáo xứ phùng nhân mạch diện khinh” có nghĩa nôm na rằng “Sau khi lội suối trèo non mất bao nhiêu năm cần cù tìm kiếm, rốt cuộc ta sẽ gặp lại người mà

ta vẫn thường khinh dễ mỗi khi ta gặp mặt hàng ngày... giống hệt như anh chàng An trên đây. Sau mười năm khó nhọc tìm sinh lễ đã rước về một vị tân nương khác xa người trong mộng của chàng... Là người mà chàng thường thấy thấp thoáng qua song cửa mỗi ngày, khi xắt chuỗi cho heo, lúc vớt bèo nuôi vịt.

THÔNG CÁO BÁO CHÍ

Ngày 26 tháng 5 năm 2021

Tòa Bạch Ốc tổ chức Đại lễ Phật đản với thấp nền lần đầu tiên trong lịch sử Hoa Kỳ

Lần đầu tiên trong lịch sử Hoa Kỳ, lễ kỷ niệm ngày đản sinh, thành đạo và Niết bàn của Đức Phật (Vesak), đã được tổ chức trọng thể tại Tòa Bạch Ốc ngày hôm nay. Để tôn vinh Đại lễ Vesak, một tuyên bố chính thức từ Tòa Bạch Ốc đã được Tổng thống Biden công bố:

“Jill và tôi gửi lời chúc mừng nồng nhiệt nhất tới các Phật tử ở Hoa Kỳ và trên toàn thế giới khi họ kỷ niệm Vesak, một ngày tôn vinh sự đản sanh, giác ngộ, và Niết bàn của Đức Phật. Nghi lễ thấp sáng một ngọn đèn, biểu tượng của ngày lễ đã được tổ chức hơn 2.500 năm này, nhắc nhở chúng ta về những lời dạy từ bi, khiêm tốn và vị tha của Phật giáo vẫn tồn tại cho đến ngày nay. Vào ngày này, chúng tôi cũng tưởng nhớ nhiều đóng góp của các Phật tử ở Mỹ, những người đã làm giàu cho cộng đồng và đất nước của chúng tôi khi tất cả chúng ta cùng nhau hướng tới những ngày tươi sáng hơn ở phía trước.”

Chúng tôi rất vui mừng vì Tòa Bạch Ốc

đã cử hành Đại lễ Vesak lần đầu tiên với Phu quân Phó Tổng Thống Hoa Kỳ, ông Douglas Emhoff, thập nên trong Tòa Bạch Ốc với sự hiện diện của ba vị Hòa Thượng đại diện cho các truyền thống Phật Giáo Nam Truyền (Theravada), Phật Giáo Bắc Truyền và Kim Cang thừa. Sự kiện này được điều phối bởi Wangmo Dixey, Chủ tịch Hiệp hội Phật giáo Quốc tế Hoa Kỳ The International Buddhist Association of America thông qua văn phòng của Ngài Shekar Narasimhan, Chủ tịch the Dharma Into Action Foundation. Đèn được thắp sáng và cầu nguyện do Hòa thượng Uparatana (người Mỹ gốc Sri Lanka) thay mặt cho truyền thống Phật giáo Theravada; Giáo thọ sư Marvin Harada (người Mỹ gốc Nhật Bản) đại diện cho truyền thống Phật Giáo Bắc Truyền và Hòa thượng Tarthang Tulku

Rinpoche (người Mỹ gốc Tây Tạng) đại diện cho truyền thống Kim Cương thừa.

Bà Dixey nói; *“Thật tuyệt vời khi những lời cầu nguyện được dâng lên từ cả ba truyền thống thực hành Phật giáo lớn ở đây, ngay ở trung tâm của nền dân chủ Hoa Kỳ. Thật là tốt lành khi điều này xảy ra vào ngày kỷ niệm cuộc đời và những lời dạy của Đức Phật. Cầu mong những lời cầu nguyện mà chúng ta dâng lên ngày hôm nay mang lại hòa bình và sự chữa lành cho tất cả các dân tộc, đặc biệt là cho các anh chị em của chúng ta ở Ấn Độ, trung tâm của Phật Pháp, và cầu mong ánh sáng tỏa ra từ đây, Tòa Bạch Ốc của Hoa Kỳ, mang lại trí tuệ và hòa hợp cho toàn thế giới. Chúng tôi đang thắp sáng một triệu ngọn lửa ngày hôm nay để tôn vinh thời điểm lịch sử này trong lịch sử Phật giáo của chúng tôi ở Hoa Kỳ.”*



Từ trái sang phải : Wangmo Dixey, Rev. Marvin Harada, and Venerable Uparatana. Official W. H. Photo by Cameron

VỀ bài đăng báo Phật Học

Ban Biên Tập hoan nghênh quý độc giả viết bài cho Nguyệt San Phật Học, xin được lưu ý những điểm sau đây :

- ♦ Bài viết về giáo lý hay thơ, văn, nhạc mang chứa nội dung Chân, Thiện, Mỹ theo tinh thần Phật Giáo, có ích cho sự tu học.
- ♦ Bài gửi đăng báo Phật Học, tác giả có thể viết tay hay đánh máy.
- ♦ Bài được đăng báo hay không, xin miễn trả lại bản thảo.
- ♦ Tác giả dùng bút hiệu, xin ghi rõ họ, tên, địa chỉ để dễ liên lạc nếu cần.
- ♦ Tôn trọng tác giả, Ban Biên Tập không sửa chữa hành văn trừ khi tác giả cho phép. Ban Biên Tập có thể sửa lỗi chánh tả hoặc đánh máy bị sai.

**Ban Biên Tập
Nguyệt San Phật Học**



HỘ PHÁP

Quý vị muốn nhận báo xin gởi tên và địa chỉ về:

**Phật Học Inc
P.O. Box 221483
Louisville, KY 40252**

TO:

BULK RATE
U.S. POSTAGE PAID
LOUISVILLE, KY
PERMIT NO. 368